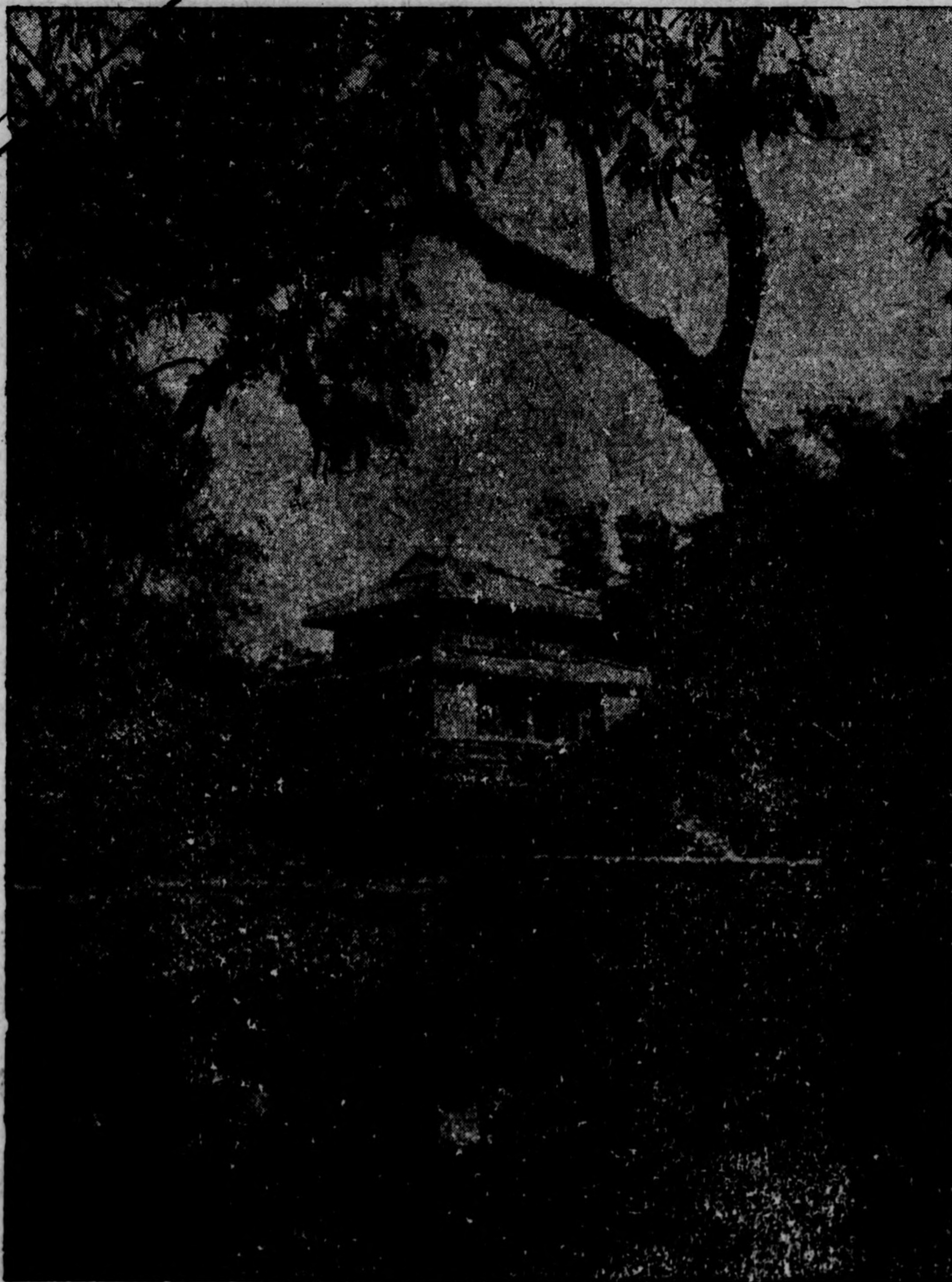


VĂN-HỌC

TẠP CHÍ

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO, CỨU, BÀN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI, VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.



Lăng vua Minh-Mệnh (Huế).

Ảnh này ở trong quyển « Sách dạy làm ảnh » của Nhật-nam thư quán Giá : 1p00

MỤC LỤC

Quốc văn ta với chữ Hán quan hệ		Bản nữ thần dẫn giải	243
thế nào ?	215	Những truyện lý thú trên đàn văn	247
Một quyển sách hai tâm sự	219	Lược khảo về văn học sử nước ta	249
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ		Mũi tên độc (tiểu thuyết đường rừng)	253
quốc ngữ.	227	Hoa - Lư kết nghĩa.	257
Một áng văn cổ.	232	Tự học tiếng Anglais.	261
Thi thoại.	236	Tự học tiếng Tàu.	265
Văn thơ	240	Việt Hán Pháp tự điển	269

Dày 60 trang

Giá bán 0\$18

VAN - HOC TAP - CHI

CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO CỨU, BÀN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^o VÀ 15.

CHỦ - BÚT: Dương-Bá-Trạc — CHỦ - NHIỆM: Dương-Tự-Quán

TÒA BÁO: 193, Phố hàng Bông Hanoi. — GIẤY NÓI SỐ: 766

		1 năm	nửa năm
GIÁ BÁO {	Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ, Nam-Kỳ	4\$00	2\$10
	Ai-Lao, Cao-Mên	4.50	2.40
	Pháp và ngoại-quốc	5.50	2 90
Mua báo xin trả tiền trước			

Ai gửi bài lai cáo hay thư từ gì về việc báo, như mua báo, trả tiền báo, đăng cáo bạch vào báo, vân, vân, xin viết cho ông
Dương-Tự-Quán CHỦ-NHIỆM BÁO VĂN-HỌC, 193, hàng Bông, Hanoi

CẤM KHÔNG AI ĐƯỢC PHIÊN DỊCH HAY IN LẠI NHỮNG BÀI VÀ ẢNH
TRONG BẢN-CHÍ. TRỪ KHI NÀO BẢN-CHÍ CHỦ-BÚT HAY CHỦ-NHIỆM
CÓ CHO PHÉP THÌ KHÔNG KÈ

Cùng các độc - giả mua 6 số

Theo mấy lời kính cáo trong Văn-học số 4, đối với các ngài
gửi giấy mua 6 số thì đến số 8 trước là hết hạn. Số 9 này
là hạn mới rồi. Cứ như đã nói trong số 8 trước, thì chỉ trừ khi
có ngài nào viết thư về báo thôi không gửi nữa thì bản-
chí mới đình gửi. còn thì bản chí đều coi như các ngài
mua thêm một hạn 6 tháng nữa.

Vậy mong các ngài khi tiếp được số 9 này thì gửi ngay man -
dat 2\$10 về giả cho hạn mới này Đa tạ các ngài lắm lắm
V. H. T. C.

CHÈ TA CHẾ THEO khoa-học mới !

Nghe đến chè Ta, xin chớ vội nhầm chè Ta uống không bằng chè Tàu. Chè ta có mọi tính chất quý hóa lạ thường mà chè Tàu không có : Uống vào dễ tiêu, ngủ được, tinh thần khảng sải. Chè của bản-hiệu ngoài cái tính chất đó, còn được nước xanh, cánh nhỏ, hương vị thơm tho dịu dàng. Bản-hiệu nghiên-cứu đã lâu năm tìm ra cách chế theo khoa học mới, cho nên phẩm chè của bản-hiệu, quý khách dùng đến qua một vài lần sau không thể bỏ được. Có ướp chè hoa sen, nhài và thủy-tiên. Các ngài chiếu-cổ xin hỏi cho được mấy thứ chè của bản-hiệu sau đây kéo nhầm với các tạp hiệu :

ĐỒNG - LƯƠNG, TIÊN - MAI, CHÂN - THÁI, VINH - THÁI, ĐẦU - XUÂN.

Tổng-cục : Hiệu ĐỒNG-LƯƠNG 125, hàng Bông, Hanoi

CHI ĐIỂM VÀ ĐẠI LÝ

MỘNG-LƯƠNG THƯ-QUÁN

QUẢNG - PHÁT

VĨNH - THÀNH

VĨNH-HƯNG - TƯỜNG

VĨNH HƯNG - TƯỜNG

NGỌC - LÂN

THẮNG - ĐỨC-LONG

PHÚC-HƯNG-LONG

CỰ-THÀNH

TƯỜNG-HƯNG

HƯNG-LONG

KIM LỢI THÁI

PHÚC-THÀNH

ICH-MỸ,

NHÂN-THỌ ĐƯỜNG

VĨNH-LONG

AN PHÚ

VIỆT-HƯNG

VĨNH-TIẾN-LONG

ĐỨC LỢI

TÂN MINH

NGUYỄN-VĂN ĐÌNH

VĨNH-THỊNH

THẮNG LONG

Commerçant

N° 69, Rue Gia - Long

Rue Marché

N° 176, Rue Sarraut

N° 55, Rue Maréchal Foch

N° 108, Grand' Rue

N° 5, Grand' Rue

N° 2, Grand' Rue

Commerçant

N° 19, Phố Năng Tĩnh

N° 299 Phố hàng Mũ

N° 159, Rue Maréchal Foch

Rue Châu Cầu

Rue Châu - Cầu

Chợ-Sông

Rue Hoàng-Xá

N° 62, Avenue Paul Doumer

N° 28, Phố Khách

Commerçant

N° 13, Rue Tân-Hưng

Commerçant

Phố Chợ Mới

Rue Tafforin

NHA - TRANG

FAI - FOO

HUẾ

ĐỒNG - HỜI

VINH

VINH

THANH-HÓA

THANH-HÓA

THANH-HÓA

ĐỒ-LÈN

NAM-ĐÌNH

NAM ĐÌNH

NAM-ĐÌNH

PHỦ LÝ

PHỦ LÝ

PHỦ LÝ

ĐỒ XÁ

HẢI PHÒNG

HẢI DƯƠNG

SƠN-TÂY

PHỦ THỌ

LỤC NAM

ĐA LÁT (Annam)

Vientiane (Laos)

XIN MÁCH GIÙM

Tôi đọc báo ĐÔNG-PHƯƠNG được biết thuốc Bách-Ứng của Hải-ngọc-Đường do ông-Nguyễn huy-Cử, Tú-Tài, làng Hoảng-Nghĩa, phủ Hoảng Hóa, tỉnh Thanh-Hóa chế ra. Thuốc này chữa-huyết tích, đờm-tích, ăn mà tích, ăn nước lạ (nước độc) rồi vàng da, to bụng, phù nề, hoặc ăn không tiêu, hoặc da bụng đầy, hoặc bụng có cục mà hay đau; chữa cả đờn-bà tích kinh sinh bệnh, sinh đẻ rồi phát nề v. v. . .

Mới đây vợ tôi đẻ, vì ác-huyết ra không hết rồi tắt sữa, đầy trướng, phát nề, uống thuốc gì cũng không kiến-hiệu, bệnh tình rất nguy; tôi mua 5 be thuốc ấy (mỗi be 25 xu), mới cho uống hết một be mà vợ tôi khỏi hẳn; còn 4 be, người bạn tôi dùng uống cũng khỏi được bệnh đau bụng và ăn không tiêu.

Tôi xem ra thuốc này, ở Trung, Nam-Kỳ và Ai-Lao đâu đâu cũng đều có bán, mà ở Bắc-Kỳ thì mới có hiệu Đồng-Lương, 125, phố hàng Bông, Hanoi và hiệu Rạng-Đông, phố Việt-Lợi ở Việt-Trì có bán thuốc ấy mà thôi. Ước ao các nhà buôn ở xứ này mua thứ thuốc ấy mà bán lại thì giúp cho đồng-bà không phải là ít. (mua buôn giảm 30% và khỏi chịu cước)

Vậy cảm ơn ông Nguyễn-huy-Cử và mách cùng bà con.

Lê-Ngọc-Khanh

Village de BUI-THON à HẬU-LỘC



Ⓜ Sportsmen !

Adressez -
vous au

spécialiste

TINH - KY



84-86, Avenue Paul Doumer — Haiphong

Maison de Confiance

*pour vos choix de **Raquettes**, commandes de
Recordages, achats de **Ballons**,
de vêtements et accessoires de sports*

THUỐC NỘI HÓA

Bản đường da công khảo cứu đủ hết các môn thuốc nam chế tạo ra các thuốc **Cao đan hoàn tán**. Bệnh nào có đủ thuốc ấy, linh nghiệm như thần, xa gần ai cũng biết tiếng. Đã được bằng khen, và được Hội-đồng khoa-học xét nghiệm, cấp cho văn bằng danh dự sáng chế. Thực là một nhà thuốc rất **giá trị của người Việt Nam**.

Cần dùng nhiều người làm Đại-ý ở khắp các tỉnh trong xứ Đông-Dương
Thẻ lệ rất hay. Hoa hồng rất hậu

Ngài nào sẵn lòng chiếu cố đến thuốc Nội Hóa để chấn hưng cho thực nghiệp nước nhà, và giữ mỗi lợi quyền cho xã-hội, xin cứ gửi thư cho nhà thuốc

NAM - THIÊN - ĐƯƠNG

46. Rue Bacninh Nam-Định mà lấy chương trình và catalogue.

MỘT QUYỀN SÁCH NHÀ NÀO CŨNG CẦN PHẢI CÓ :

GIA LỄ GIẢN YẾU

Có cả « Các bài văn khấn » và « Khoản thức biên gia - phả »

Lại có in sẵn nhiều trang để người nào có quyền này

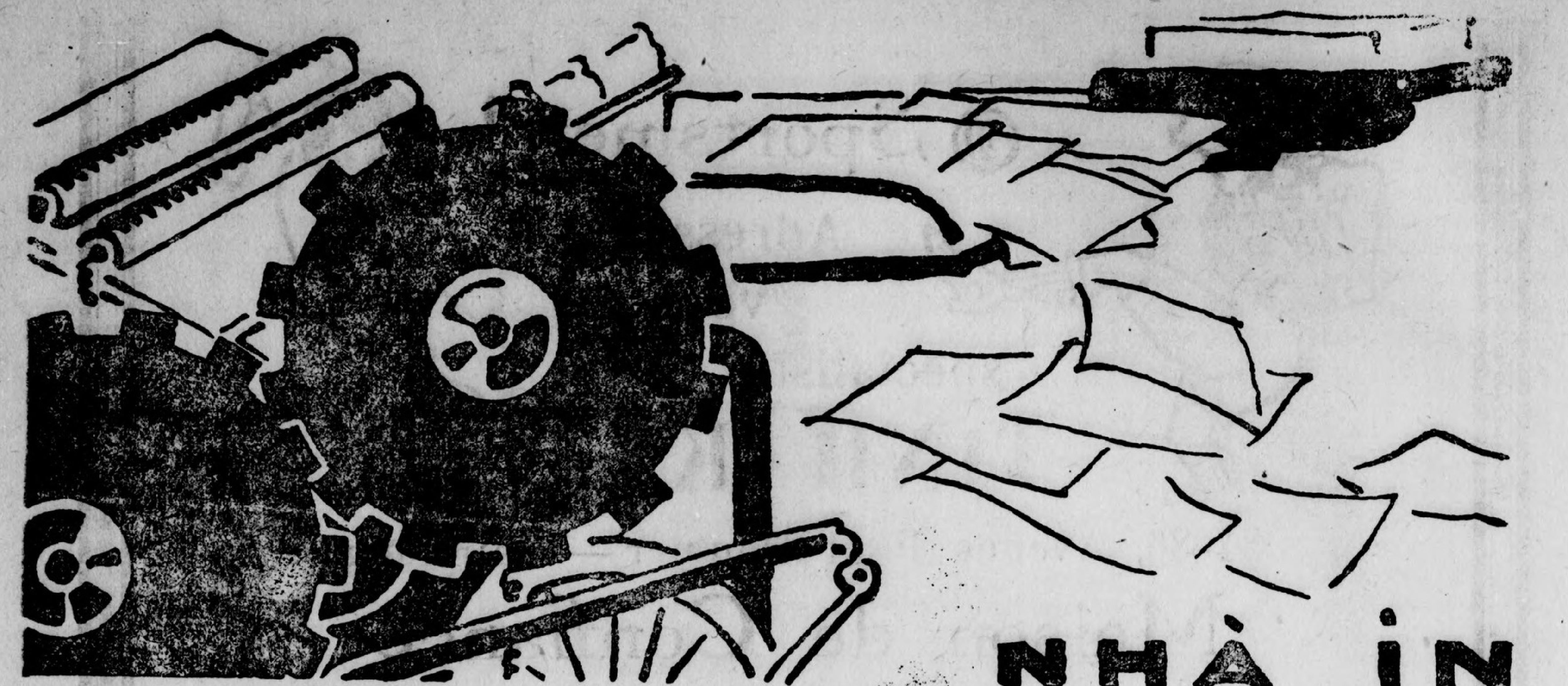
chỉ việc điền gia - phả của nhà mình vào

Cử - nhân DƯƠNG - BÁ - TRẠC soạn

Giá : 0\$25 — Cước thưởng : 0\$03

Gửi bằng timbres postes cũng được

Đề cho : Đông-Tây ấn-quán 193, Phố hàng Bông — HANOI



NHÀ IN ĐÔNG - TÂY

193, Phố hàng Bông Hanoi, do ông DƯƠNG-TỰ-QUÁN chủ trương, mở đã 4 năm nay, được quốc dân hết lòng tin nhiệm vì in nhanh chóng, cẩn thận, giá lại rẻ



LỘ NHUỘM KIM THỜI

82, B° Eclair 82.- Saigon

80 người thợ nhuộm tinh hảo, nhuộm ròng chàm annam, bảo kiết không trở đỏ. Nhuộm theo nước lãnh sông Hương, đen huyền, muớc và mịn màng.

Xin quý bà nhuộm thử theo kiểu Saigon thì quý bà được bằng lòng.

NGUYỄN-KHẮC-TRƯỜNG

Cấp bằng trường thêu dệt thành Lyon (France)

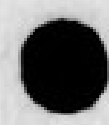
VĂN - HỌC TẬP - CHỈ

Quốc - văn ta với chữ Hán quan hệ thế nào ?

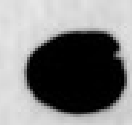
Quốc - văn ta hiện nay đã thành lập chưa? Hỏi thế tất ai cũng buồn sắc mặt mà đáp lại rằng: Quốc-văn ta hiện nay còn non nớt lắm, những danh-từ về học-thuật chưa đủ tiếng mà dùng, những tài liệu về văn chương chưa đủ tiếng mà đặt, có khi có ý mà không đặt ra lời được, có khi có tiếng mà không dùng vào văn được, có lời nói ra nghe không gọn ghẽ, có tiếng dùng vào nghe không nhuần-nhã; nói tóm lại thì quốc-văn ta chưa gọi là thành lập được.

Tà bây giờ có nên xúm nhau lại đồng tâm hiệp lực đem hết trí-tuệ mà cố gây dựng lấy một nền quốc-văn ta cho thật vững vàng, thật rộng rãi hay không? Hỏi thế tất ai cũng khua tay múa chân mà đáp lại rằng: Nên lắm! nên lắm! những danh-từ dùng về học-thuật cần phải có thì sau mới có thể có sách vở ta; những tài liệu đặt vào văn-chương cần phải đủ thì sau mới có thể có văn-học ta: tư tưởng bày tỏ với nhau, công

việc bàn soạn với nhau, làm sao cho có lời đạt hết ý được ? Đặt một bài luận, làm một bài ca, làm sao cho đủ tiếng dùng vào văn được ? Những lời bè ngổ bè dứa làm sao dọn cho gọn-ghẽ được ? Những tiếng mách tọc mách rác làm sao đổi cho nhuần nhã được ? Nghĩ đến cái nền quốc-văn của mình còn lung lay, còn eo-hẹp như thế, công trình gây dựng không thuộc về phận sự của người nước mình thì còn là phận sự ai ?



Nay muốn cho quốc-văn của mình chóng thành lập, ta có cần phải học chữ Hán nữa không ? Hỏi thế tất có nhiều người buột miệng không nghĩ mà nói ngay rằng : Đã hơn ngàn năm nay, mình vì đắm đuối về chữ Hán, chịu người Tàu áp chế, nó đem rắc giống chữ nó đề tuyệt giống chữ mình ; mình như ngựa quen cương, như trâu quen ách, lâu rồi lãng hẩn tai, mờ hẩn mắt, mề mẹt vào trong giấc mộng học nhờ viết mượn, mà sao nhãng hẩn cái văn tự của tổ tiên mình, thành ra quốc-văn ta một ngày một tiêu duyệt. May giấc mộng ấy nay đã hú hồn tỉnh lại, mới biết cùng nhau bới đất lật cỏ, tìm ra cái giống quốc-văn mình được một đôi mầm sót, mong sẽ nhờ màu mưa hơi nước, lại có một ngày kia trổ lá ra hoa, thì tất phải trừ cho tiệt cái giống chữ ở Tàu sang, giống chữ cũ của mình mới có thể trông được tốt tươi nẩy nở. Nói thế mới nghe ai cũng ngỡ là phải, mà thực thì trái ngược không gì bằng.



Phải biết rằng : Trước khi ta chưa học chữ Hán thì tiếng ta còn ít-ỏi quá, mà văn-chương ta đã có tí gì đâu. Từ lúc có chữ Hán truyền bá sang ta đến giờ thì chẳng những văn-chương ta làm toàn bằng chữ Hán mà đến cả lời ăn tiếng nói cho chí tục-ngữ ca-dao đều pha có

huyết-thống (1) chữ Hán cả. Bây giờ quốc-văn ta mới đương vào buổi phôi-thai thì thử nghĩ lấy gì kết cấu mà thành hình, chẳng là phải tựa vào cái khuôn mẫu chữ Hán dư? lại lấy gì dưỡng-dục mà lớn lên, chẳng là phải mượn tới tài-liệu chữ Hán dư? Thề làm văn ta chưa có, chữ làm văn ta còn nghèo, tư-tưởng hay lấy gì mà truyền, danh - từ mới lấy gì mà dịch? Ta muốn theo thề văn chữ Pháp, nhưng cái cách đặt câu ghép chữ của văn chữ Pháp trái hẳn với tiếng nói của ta. Ta muốn mượn tiếng Pháp, Nhưng tiếng Pháp là lối tiếng điệp vận (2), mà tiếng ta là lối tiếng đan vận (3), tiếng Pháp không thể nào nói ra tiếng ta được. Ta không lột thề văn Hán thì ta đặt làm sao thành văn. Ta không mượn chữ Hán thì ta kiếm làm sao đủ chữ. Ta thử ngẫm các cụ ta ngày xưa vào những bậc quốc-văn kiệt - tác như cụ Hàn-Thuyên đời Trần, cụ Nguyễn-bỉnh-Khiêm đời Lê, cho đến cụ Nguyễn - Du, cụ Nguyễn-công - Trứ ở bản-triều, xét những di mặc (4) của các cụ lưu-truyền, không một cái gì là ra ngoài được khuôn sáo chữ Hán cả; lại ngẫm từ hồi có sách có báo bằng quốc - văn, thật không sao tìm được một quyển sách, một tờ báo nào mà trong không nhan - nhân toàn chữ Hán; thứ nhất là những văn về lý-thuyết, về học - thuật là những văn rất cần mà rất có ích thì càng phải mượn đến chữ Hán thật nhiều; thậm chí gửi một cái thư cho bạn, biên một cái đơn bán hàng, không mượn giảm ba chữ Hán cũng không thể nào viết trôi được. Quốc-văn ta tất phải có chữ Hán mới thành lập, đó là những cái chứng cứ rõ ràng.

1) Chắt máu di truyền thuộc về một giòng-giống.

2) Ghép nhiều vần lại mới thành một tiếng.

3) Mỗi tiếng là mỗi vần.

4) Sách vở văn thơ giấy tờ của người trước còn lại.

Cho nên chúng ta bây giờ muốn tập làm quốc-văn, muốn thông hiểu quốc-văn thì tất phải có học chữ Hán mới được. Nói học chữ Hán là không phải quay lại cái lối học phiên toái lâu lai như lối học chữ Hán ngày trước đâu. Ta học chữ Hán ngày trước là vì chữ Hán mà học chữ Hán, học chữ Hán bây giờ là vì quốc-văn mà học chữ Hán. Ta chỉ phải học cho hiểu được ý nghĩa những chữ thường dùng độ vài ngàn chữ và cho thông được những mạch lạc thể cách trong văn chữ Hán thể mà thôi; nhưng cái học ấy rất cần, vì không có thì không làm sao xem hiểu được quốc-văn ta, làm thành được bài quốc-văn ta, mà chẳng bao giờ mong cho quốc-văn ta thành lập được vậy.

TUYẾT-HUY

GIẢI THƯỞNG VĂN - HỌC

MỘT GIẢI 300 ĐỒNG — MỘT GIẢI 150 ĐỒNG

Nào ai là nhà văn ?

Nào ai là người nhiệt thành với quốc-văn ?

?

Hãy xem thề-lệ đã đăng ở Văn-Học số 5.

MỘT QUYỀN SÁCH, HAI TÂM SỰ

Timeo hominem unius libri

(Saint Thomas d'AQUIN)

Tôi sợ người đọc một quyền sách.

Lạ thay ! quyền Le Cid ở tay người I-pha-nho Gui lhen de Castro viết ra không ai nói đến, nhà văn sĩ nước Pháp Corneille đem truyện ấy viết thành kịch, diễn lần đầu, trên từ vương-hầu dưới đến lê dân ai ai cũng nô nức khen hay, vắn chương lừng lẫy một thời. Câu truyện trước sau vẫn thế nhưng nhờ ngọn bút tài hoa tô điểm mà được người đời truyền tụng.

Lại như quyền « Thanh tâm tài nhân truyện » ; đối với người Tàu chỉ là một cuốn tiểu thuyết như trăm nghìn cuốn tiểu thuyết khác, trong truyện phần nhiều đề mục bất ngoại bốn chữ : trung, hiếu tiết, nghĩa ; song quyền « Thanh tâm tài nhân » lại có cái số phận may hơn vì đã được một nhà văn-sĩ nước ta đề ý đến. Nhà văn sĩ ấy là cụ Tiên-Điền Nguyễn-Du vậy.

x

Cụ Nguyễn - Du đi sứ nhà Thanh, muôn dặm bốn ba, nghìn trùng non nước, đến ngụ thành Bắc-Kinh trong khi chờ đợi vào chầu Thiên triều. được đọc truyện cô Vương-Thúy-Kiều, cụ nhân hoàn cảnh mình giống hoàn cảnh người trong truyện làm ra quyền « Kim Vân Kiều » để tự thuật cái thân thế của mình, lúc ấy người biết cô Kiều để chỉ có cụ Tiên Điền, nhưng một trăm năm về sau người mến tiếc cô Kiều

lại còn quan án Chu-Mạnh-Trình nữa. Cùng một thiên bạc mệnh ấy, hai văn-sĩ có hai cảm tình khác nhau, người trước đặt thành truyện, người sau ngâm vịnh từng hồi khiến ngày nay ta đọc truyện Kiều lại càng vì hai ông mà thương người tài sắc.

Ta đi đến đâu, đâu chỗ thôn quê, giàu nơi thành thị, cũng thấy nói đến truyện Kiều. Một người mẹ ru con ngủ, không khỏi không đọc mấy câu :

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

mấy câu văn hay ấy có phải chỉ riêng người mẹ kia ru con đâu, người thợ cày chân lấm tay bùn, chiều về cơm nước vừa xong, ngồi nghỉ ở ngoài thềm nhà, vắng tai nghe tiếng riêu sáo phảng phất dưới bóng giăng trong, buồn mồm cũng đọc :

*Vùng giăng vắng vặc giữa giờ,
Đình ninh hai miệng một nhời song song.*

lại người lữ khách, những lúc cây khô, lá vàng, mưa phùn, gió bắc, xa cách cố hương, cũng động lòng mà buồn ngâm :

*Sót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ.*

Văn hay đâu ở hoàn cảnh nào cũng thích hợp cả, cho nên một nhà bình phẩm có câu : « không gì hơn pho Kim Vân Kiều, người tài tình, văn cũng tài tình, thật đáng gọi thiên-cổ độc-tuyệt ». « Văn tài tình » chúng ta đọc mãi vẫn thấy hay, còn « người tài tình, » tâm sự thế nào xin bàn qua sau đây.

x

Cụ Nguyễn Du là người đa sầu đa cảm, không những trong văn thơ bằng quốc âm, dầu ở thơ chữ cũng có cái « giọng » buồn và chán nản :

*Tri giao quái ngã sầu đa mộng,
Thiên hạ hà nhân bất mộng trung (1)*

Ông Nguyễn - Công-Lượng đọc truyện Kiều của cụ đến chỗ tả « Kiều gầy đàn » cũng công nhận rằng : « Gió thảm, mưa sầu, nhời thương, tiếng oán ở năm ngón tay nàng Kiều gầy ra cũng đều ở ngọn bút tâm huyết tác-giả viết ra cả » (2).

Vì sao cụ « sầu » cụ « oán » ? bởi cụ sinh không gặp thời, bởi cụ gặp cảnh ngộ éo-le rồi cái hận trăm năm ấy kết thành cuốn « Kim-Vân-Kiều » là áng văn chương tuyệt - tác.

Con cháu một nhà thế tộc, đời đời làm tôi nhà Lê sau khi thi đỗ, cụ được lập ấp, lòng cụ lúc ấy chỉ mong đem hết tài học bình sinh để thờ vua, giúp nước, đình - ninh khác gì người con gái khi xưa, lúc sắp đi lấy chồng ôn lại những nhời giáo huấn, tự nguyện giữ cho trọn câu « tông nhất nhi chung ». Cụ đối với nhà Lê lúc ấy như người vị hôn thê với người chồng sắp cưới.

*Cùng nhau chót đã nặng nhời,
Dầu thay mái tóc dám rời lòng tơ.*
cho nên quyết :

*Đã nguyện đôi chữ đồng tâm.
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.*

1) Các bạn lấy làm quái gở cho ta đây là người buồn và lắm mộng tưởng, nhưng người đời ai mà chẳng cũng ở trong giấc mộng cả.

2) Nguyên chữ Hán : Thảm vũ, thê phong, bi tư oán ưởng, tưởng đương nhật Thúy-Kiều ngũ chỉ thượng đô tông tác-giả nhất chi, bút đầu tâm huyết trung tá xuất.

Con tao hay ghen-ghét người tài, cái chí cụ vì thế không được như nguyện.

Nhà Lê, sau một cơn binh hỏa, sau một cuộc loạn Tây-Sơn, bị mất nước, vua Chiêu-Thống phải xa bỏ cố-quốc chạy sang Tàu; Cụ nghĩ mình phận thần tử tòng vong không kịp, chiêu mộ người làng nổi lên đánh Tây-Sơn, nhưng không được toại chí, đành phải bỏ quan về nhà lấy non nước làm bạn. Cái hoàn cảnh cụ lúc ấy khác gì người con gái gập cơn gia biến đành chịu số phận hẩm hiu. Cái thất-vọng của cụ không biết giải bày cùng ai nên mượn nhời ăn tiếng nó cô Kiều thổ lộ ra nhiều câu thảm thiết :

*Hồn còn mang nặng nhời thề ,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.*

rồi :

*Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa trôi nhỡ nhàng.*

cũng có khi cụ lấy cái số - mệnh làm khuây và đỡ cho việc đời ăn nhau ở câu may rủi :

*Rủi may âu cũng sự giời,
Đoạn trường lại chọn một người vô duyên.*

Thật thế, cụ đối với nhà Lê « vô duyên » quá, cho nên lúc đức Cao-Hoàng nhà Nguyễn thu phục song Bắc-Hà, nghe cụ là người cao sĩ, mấy phen trưng triệu, cụ sợ mang tội với nhà vua « bất đắc dĩ » phải ra làm quan.

Cái thân thế của cụ ở cái hoạn bộ thứ hai này nếu ta đem so sánh với sự « bán mình » của cô Kiều cũng có một vài phần tương tự. Ví phỏng khi trước, chàng Kim Trọng không phải về hộ tang, nàng Kiều sẽ trọn được hai chữ « sương tùy » ; lại như nhà Lê không bị mất ở tay Tây-Sơn, vua Chiêu-Thống không phải xa bỏ cố-quốc thời cụ Nguyễn-Du toàn được tiếng « trung thần ».

Cái bước thứ hai này cụ cũng cho là một sự « liễu » lòng cụ uất ức nên mới có câu :

*Cũng liễu nhắm mắt đưa chân,
Thử xem con tạo xoay vần đến đâu.*

Đối với nhà Nguyễn, cụ làm quan đến Tham tri, vua có lòng hậu đãi, thế mà trong khi triều hội, cụ chỉ vâng-vâng giả-giả cho qua ngày, cụ cũng tự biết rằng nhà vua đối với mình quá hậu, buồn một nỗi mình là bầy tôi cũ nhà Lê nên :

*Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi chút sương tùy mấy may.*
cụ cũng tự biết cái thân mình không ra gì nên có phen đã nói rõ :

*Bỏ thân về với triều-đình,
Hàng thần lơ lảo phận mình ra đâu.*
rồi ngậm ngùi nỗi theo :

*Áo xiêm đùm bọc lấy nhau,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi.*

Than ôi ! cái thân thế cụ Tiên-Điền thật là đảo điên điên đảo ! Tài lỗi lạc như cụ mà gặp phải bước phong trần, tâm sự uất ức không sao tả hết, phải lấy thân thế một người con gái bạc mệnh để ví với mình, giám hỏi người đọc truyện Kiều đã mấy ai hiểu thấu được cái tâm sự ấy, có chăng tập vịnh Kiều của quan án Chu-Mạnh Trinh kể sau đây cũng hơi đồng ý với câu nhập đề của tác giả (1).

×

Lúc cụ Nguyễn-Du sắp mất có câu thơ :

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khốc Tố-Như (2).*

1) Quyền Kiều lấy nhập đề ở câu thơ Tùy viên : cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương (chữ tài chữ mệnh khéo là cột nhau).

2) Không biết ba trăm năm về sau người đời có ai khóc đến Tố-Như này không ? Tố-Như là tên tự của cụ Nguyễn-Du.

Mới được ngót một trăm năm đã có người vì cụ lấy cô Kiều làm tri-âm, vì cụ thương cô Kiều bạc mệnh, lại vì cụ tô điểm truyện Kiều, vịnh từng hồi, bản từng đoạn; người khóc cô Kiều, khóc tác giả truyện Kiều tức là quan án Chu-Mạnh-Trinh vậy.

*

Quan án Chu là người văn đã hay, chữ lại tốt, ông lại là người đa sầu đa cảm cho nên văn chương ông có cái điệu du dương réo rắt, hay nhất lối văn tả tình tả cảnh, man mác như hoa trôi, hắt hiu như gió thổi, có thể đem so sánh với những văn thơ của các thi gia về phái lãng-mạn (romantique).

Về lối văn lãng mạn của ông, dễ thường có một không hai, vịnh cảnh như tô vẽ ra cảnh, tả tình như chan chứa với tình. Còn gì đẹp bằng cảnh Hương-Sơn mà thi-sĩ ấy đã tả trong một bài hát đào-nương đến nay còn truyền lại (1).

Người khách thập phương đi chùa Hương-Tích qua khỏi mấy giòong suối biếc, vượt qua mấy đỉnh núi xanh, tai nghe :

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
rồi n ắt thấy :

Lững lơ khe nước cá nghe kinh.

Trước những cảnh vật ấy tưởng mình đến chỗ Tây-trúc, Lôi-âm, lòng trần cũng thấy có một vài phần dũ sạch, nhưng đến lúc :

l'hoảng bên tai một tiếng chầy kinh,
thời :

Khách tang hải dứt mình trong giấc mộng.

Cảnh Hương-Sơn kia dầu thanh tịnh, dầu đẹp dễ ở trong tầm con mắt một thi gia lãng mạn cũng chỉ là

1) Bài hát này đã đăng ở mục Quốc-văn bình giảng, trong Văn học tập-chí số 8

một cảnh trong mộng, người du khách cũng là người trong mộng đấy thôi.

Về lối tả tình, thi sĩ họ Chu có nhiều giọng ly tao, tập thơ vịnh Kiều đối với quốc-văn có thể gọi là một đóa danh hoa trong vườn Thượng Uyển.

Nàng Kiều đi thanh minh, thăm mả Đạm - Tiên, giờ ra về thương người bạc mệnh, ông tả :

Man mác vì ai thêm ngán nỗi,

Đường về chiêm đã gác chênh chênh.

Lúc gặp cơn gia biến, phải vì hiếu bán mình chuộc tội cha già, đêm hôm ngồi nghĩ đến việc thề ước cùng chàng Kim-Trọng, tâm sự lúc ấy, ông vịnh :

Nước non nghìn dặm đôi hàng lệ,

Tâm sự năm canh một bóng đèn.

Lại đến khi khuyên Từ-Hải ra hàng, mắc mưu Hồ-Tôn-Hiến, Từ-Hải tử trận, cái khổ cảnh nàng Kiều ông « sắp » vào hai câu :

Sá chi bèo bọt tôi vì nước,

Thẹn với non sông thiếp phụ chàng.

×

Văn chương quan án Chu không cần phải tán dương ra đây làm gì chắc độc - giả cũng đã biết ; quan án Chu lại là một người rất tài hoa, nào đàn hay, thơ giỏi, vẽ khéo, lại đỗ sớm, làm quan to. khoa danh hoạn nghiệp đều được hơn người, thế thì ông còn sầu cảm gì ? Xưa nay những người có « tài » phần nhiều là người có « tình », cái tình ấy có khi vì vật cảnh mà có, lại có khi vì tâm-cảnh mà có. Đến như cái « tình » của quan án Chu thời ít người hiểu thấu. vì nó phảng-phất như mây, như gió, như giáng chều, như sương sớm, có khi thi-sĩ đã thổ lộ ra câu văn :

Người trần mà đến non tiên,

Họa mai sau có nhân duyên chăng là.

(Hương-Son Nhật-trình ca)

Người « tài tình » sinh vào một xã-hội không mấy người biết đến, các liêu hữu có ai biết tâm-sự mình, mà có ngổ tâm-sự cũng ít người hiểu thấu, cho nên lại phải chọn một người « tài tình » làm tri-kỷ, dẫu người ấy là người thiên-cổ cũng vẫn « gầy ước, mai ao » có khi lại nghĩ đến cách « đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phượng thảo hú vía thuyền duyên » (1) quan án Chu lấy cô Kiều làm đồng-tâm-nhân cũng bởi hai chữ « tài tình » vậy.

Ông mến cô Kiều, ông khóc cô Kiều bởi ông cho rằng : « cho hay danh sĩ giai-nhân cùng một kiếp hoa-nghiêm nặng nợ » (1), Than ôi ! « danh-sĩ » với « giai-nhân » cũng đều chung một « kiếp hoa-nghiêm », thế thời người con hát gầy đàn tỳ-bà trên sông Tầm dương thừa trước đã làm cho Tư-mã Châu Giáng phải gạt nước mắt, tức cũng như cô Vương-Thúy-Kiều trong truyện đã làm cho quan án Chu « chan chứa » cảm tình,

x

Trước sau vẫn là thân thể cô Kiều, cụ Tiên - Điền thời bồi-hồi tấm lòng « cố quốc », quan án Chu thời mến tiếc hai chữ « tài tình ». Truyện Kiều càng được truyền tụng bao nhiêu, hai cái tâm-sự ấy càng rõ rệt bấy nhiêu. Người đọc thơ văn hai ông tưởng cần phải hiểu tâm-sự tác-giả mới biết cái lý thú của quốc-văn.

TIÊN - ĐÀM

1) Tựa truyện Kiều của quan án Chu-Mạnh-Trinh, ông Đoàn-Quy dịch.

Dương-Tự-Nguyên

MỘT Ý KIẾN

VỀ SỰ SỬA ĐỔI CHỮ QUỐC-NGŨ
THÀNH MỘT THỨ VĂN TỰ HOÀN TOÀN

Cải chính mấy điều

TRONG BÀI “MỘT Ý KIẾN” IN Ở VĂN-HỌC TẬP-CHÍ SỐ 5

1° — Thêm một dấu phụ, cộng với năm dấu chính là sáu dấu, và lấy chữ S CÂM làm dấu ấy. Dấu phụ này cốt để tránh khỏi sự giả mạo hoặc sự lầm lẫn trong những giấy tờ quan hệ viết bằng tiếng ta.

Không thể bì với chữ Pháp và chữ các nước được, tiếng Annam toàn là văn đơn (monosyllabe) ; một câu văn chỉ thêm bớt một vài cái dấu cũng đủ làm cho khác hẳn ý nghĩa đi. Bởi vậy, phàm viết giấy tờ quan hệ, những chữ không có dấu tất phải viết thêm một chữ dấu phụ vào thì mới được cần thận. Thí dụ: như chữ BA viết là BAS, Ga viết là GAS, TA viết là TAS BUT viết là BUTS, CUP viết là CUPS, BAN viết là BANS, v. v.

Trong số hai mươi mấy chữ cái của mình, duy có chữ S là dễ viết, viết được mau, chấp với chữ khác không sợ lầm lẫn ra tiếng gì khác được. Vậy ta dùng chữ S làm S CÂM.

2° — Chữ Y đã dùng làm chữ phụ-âm (consonne) để thay cho chữ D, không nên dùng làm chữ nguyên-âm (voyelle) để tránh sự lầm lẫn. Y đọc hẵn là di (đọc theo cũ) để cho trẻ con dễ học. Thí dụ như: chữ IÊN nếu viết là YÊN thì lầm với chữ YÊN (đọc là den theo văn cũ)

Chúng ta thường thấy có người tên là QUI, chỉ vì những bạn hữu ở xa khi gửi mǎng-đa về lại viết lộn là QUÝ, thành ra không lĩnh được tiền. Bởi vậy ta phải có luật nhất định là chữ y chỉ dùng làm chữ phụ âm mà thôi, để tránh khỏi những sự bất tiện xảy ra trong việc giao-dịch hằng ngày.

Những chữ sau này đều nhất luật viết chữ i cả :

Uya viết là uia, uyn viết là uin, uyên viết là uiên.

Uyết viết là uiết, yết viết là iết, yên viết là iên.

Yêu viết là iêu, my viết là mi, ly viết là li.

Ky viết là ki, vân, vân.

Duy có mấy vần như AY UY OAY vì sự ước-định mà xưa nay ta phải viết chữ y cho khỏi lẫm với AI, UI, OAI, ta cũng phải sửa luôn lại cho được nhất-luật. Chỉ riêng mấy chữ ước định ấy, ta nên theo vần tây mà đổi Y làm IE cho tiện. Vậy thì :

Ay viết là aie, uay viết là uaie.

Oay viết là oaie, uy viết là uie.

3° — Bỏ chữ H trong những vần NGHE, NGHI cho tiện. Duy phải để lại GHE, GHI, như cũ (xin xem 3 cơ không nên thay đổi nói trong bài « Trả lời mấy câu hỏi » in ở dưới này).

4° — Lấy CE, CI, thay cho KE, KI, cho được nhất-luật.

5° — Lấy OU = O cho được tiện hơn.

Vì có nhiều người không chú ý đến vần GHIO GHIO và in ở Văn-Học Tạp-Chí số 5 trang 16 hàng thứ 11 và 12, cho nên khi viết theo lối chữ mới hay bị lẫm lẫn. Thí dụ như viết chữ « gỏi » theo lối chữ mới phải viết là « ghioi », nhưng nhiều ông không nhớ trong khi đổi ơ làm io phải viết thêm chữ h vào thành ra viết lộn là « ghioi ». Chính trong các bạn đọc báo có nhiều ông viết thư về để biểu đồng tình với tôi bằng lối chữ mới này cũng hay viết lẫm về vần ấy, nên tôi phải tìm chữ khác để thế vào, cho các ngài dễ nhớ dễ dùng hơn.

Đáng lẽ ra, lấy chữ EU thay cho Ơ, và OU thay cho Ư thì đúng vắn Pháp hơn. Nhưng vì OU đem chắp với các vắn ƯƠ khác không được thuận giọng. Thí dụ như : euoc = ược thì thuận giọng hơn là ouoc = ược. Vả lại, tiếng Annam có rất nhiều tiếng thuộc về vắn ươ, nếu sửa lại không khéo thì bị khó khăn nhiều nỗi, hoặc làm cho những chữ thuộc về vắn ươ thành ra quá dài. Mỗi nước cũng phải có một vài giọng riêng của nước ấy, nên tôi nghĩ lấy ou = ơ, và lấy eu = ư theo giọng Ảng Lê cũng hợp lắm.

TRAZ LOUIF MAAYQ CAAUS HOIZ

(Bài này viết theo lối chữ quốc-ngữ mới) Xem Văn-Học số 5

Coq ngeuoif hoiz : nays daw ngiw cachs seuaz dooiz cheuw kuocq-ngeuw cuw chos deuocj hoanf toanf, saos khoongs boz luons cheuw H trongs vaanf GHE GHI, chos trez cons thuanj miengj yeew docj ?

Xins traz louif reangf : coq 3 couq khoongs theez boz cheuw H trongs nheungw GHE, GHI ghi deuocj.

1. — Neeuq boz cheuw H dis, tas sew bij nhieuf seuj phienf nhieuw. Thi q yuj nheus :

vaans, vaans...

Cheuw GIM phaiz viets laf GIM chos khoiz laanf vouiq GIM (docj ghim),

« GIN « « « GIIN « « « « GIN (« ghin),

« GIEM « « « GIEM « « « « GIEM (« ghien),

« GEM « « « GIEM « « « « GEM (« ghem),

« GEN « « « GIEN « « « « GEN (« ghen),

« GIENG « « « GIENG « « « « GIENG (« ghieng),

Cách đọc : ea = ă, aa = â, ee = ê, oo = ô, ou = ơ, eu = ư, euo = ươ, aie, = ay, iem = iêm, uan = uân, uon = uôn, q = , f = , z = , w = ~ j = .

Cheuaf ras cheuw GIA (docj laf gi-ia, tiengq tas khoongs-coq, chiz deez chuas tiengq ngoaij kuocs), vif seuj beats buocj phaiz viets hais i chos khoiz lamf vouiq GIA (docj laf gi-a).

Trongis vaanf kuocs-ngeuw cuaz minhf, coq raats nhieuf vaanf ngeuocj beats dăuf beangf cheuw i vaf e; neeuq boz deuocj chu w H trongis vaanf GHE, GHI, tas lai j phaiz theems ras cheuw I trongis vaanf GE GI, laf GIE, GII, thanh ras cai q louij baos nhieus chiz duz buf vaof cai q hai j baaieq nhieus maf thoois.

2. — Neeuq boz cheuw H dis, tas bij beats buocj phaiz viets vaanf GE, GI laf GIE, GII. Trongis veans-teuj neeuq deez nhieuf cheuw I deungq vaof mootj choow, tas troongs noq daw khoq cois vaf coq theez bij nhieuf seuj laamf laanw neuaw.

Khoongs gioongq nheus nheungw cheuw a, e, o, cheuw I deungq oois vaof mootj choow, tas coq theez laamf laf cheuw ü (u co 2 chaamq ouz treens). Vaz lai j, cai q chaamq treens cheuw I cungw gaanf gioongq nheus cacs cai q daauq trongis looiq cheuw kuocs-ngeuw cuw, tas yungf noq thaati j laf mootj seuj ceucj cheangz daw, chouq trongis veans teuj neeuq coq nhieuf cheuw coq yaaug nheus theeq chiz lamf chos tas bij chaamj treew seuj viets-lachs, vif khoongs theez thaoz luons mootj yaaies deuocj maus chongq nheus nheungw cheuw khacs.

3. — Neeuq laaieq cheuw Y deez thaies chos ii thif lai j trai q maats cai q lee j nheuts dinhj laf: cheuw Y daw yungf lamf cheuw phuj aams (consonne) deez thaies chos D, khoongs neens yungf lamf cheuw nguiens aam (voyelle) neuaw. Bouiz vif Y daw docj laf « di », neeuq yungf

Cách đọc : ea = ă aa = â, ee = ê, oo = ô, ou = ơ, eu = ư, eo = ươ, aie = ay, iem = iêm, uan = uân, uoc = uộc, q = / f = \ z = ? w = ~ j = .

lamf cheuw nguiens aams, taats saaiez coq nhieuf cheuw laanw. Thiq yuj nheus cheuw IEN maf viets laf YEN thif laamf vouiq cheuw YEN (docj laf den).

Vaz laij, neeuq laaieq Y thaies chos ii, vaanf GI cungw vaanw phaiz dooiz theez ouz yeuaw Thaies dooiz nheus vaiej, daw khoongs ichs louij laf maaieq, conf lamf khoq kheans chos kez mouiq hocj veef saus. Chis beangf tas ceuq deez nguiens cheus H ouz riengs 2 vaanf GHE, GHI, conf houns laf seuaz dooiz laij chos theems phienf pheucs.

(conf neuaw)

Cách đọc : ea = ă, aa = â, ee = ê, oo = ô, ou = ơ, eu = ư, euo = ươ, aie, = ay, iem = iêm, uan = uân, uon = uôn, q = , f = , z = , w = ~ j = .



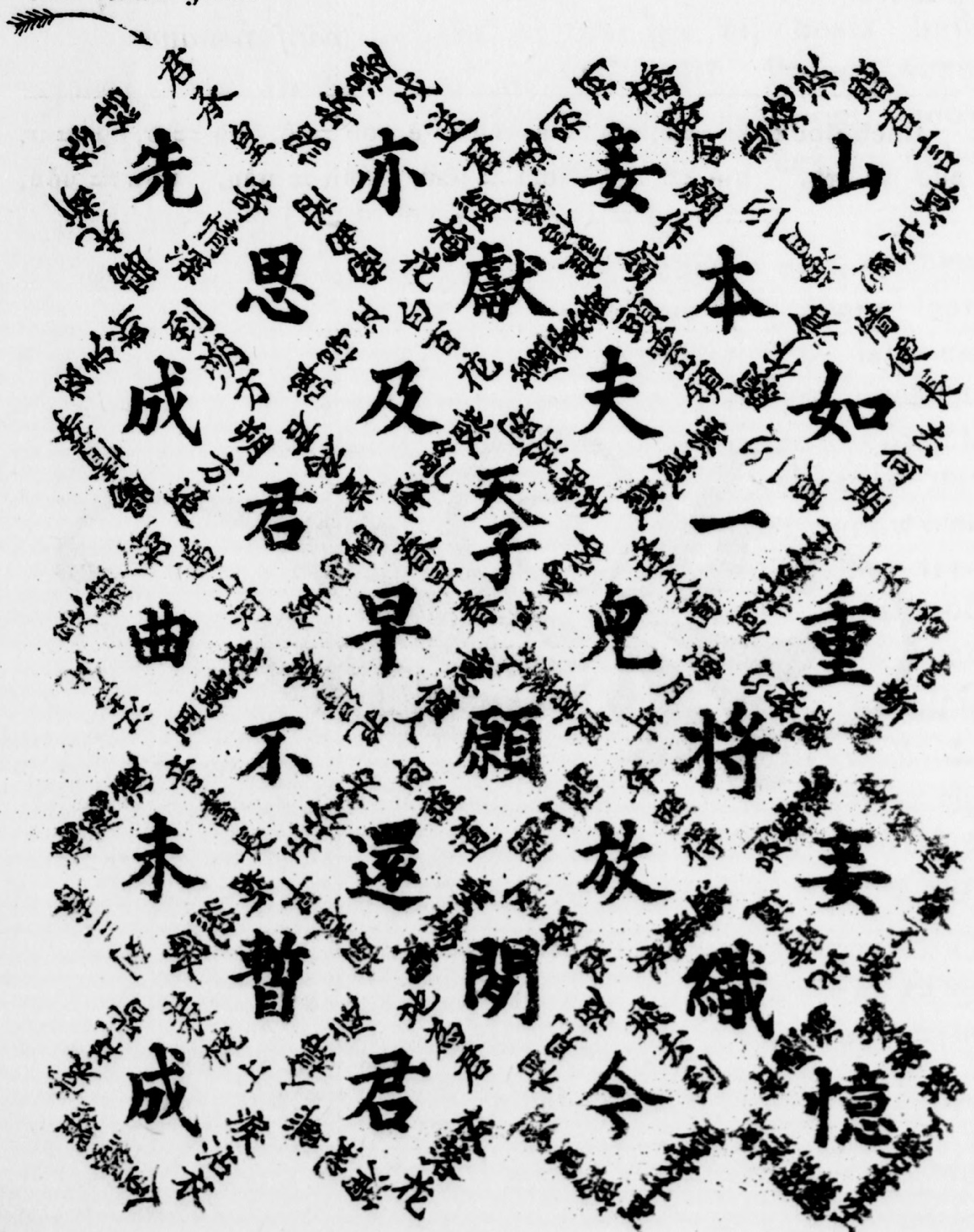
CHÚ'C CẨM HỎI VẤN

Bài này truyền của nàng Tô-Huệ Nguyên nàng là vợ Đậu Thao nhà Tần làm quan thứ sử đi thú nơi xa, lâu không về nên nàng làm bài này dâng vua đề xin cho chồng được trở lại quê nhà.

Bài này nàng thêu trên gấm, những chữ to thêu kim tuyến.

NÊN BIẾT. — Đọc bài này phải bắt đầu đọc từ bên trái, giòng có cái dấu chỉ trước, rồi cứ theo giòng ở bên ngoài, đọc xuống giòng ở hàng bên phải lại đọc ngược lên theo lối chữ chi, đến chữ kết ở dấu chỉ thì đọc luôn xuống chữ to mà rồi cũng đọc từ bên trái đồ tròn quanh lộn vào giữa.

LẠI NÊN NHẬN: hai chữ thiên tử 天子 (nghĩa là vua) nàng thêu vào chính giữa.



MỘT ÁNG VĂN CỔ

CỦA

ÔNG Hoàng-Quang



Ông Hoàng-Quang, người Thừa-Thiên, tự hiệu là Thai-Châu cư-sĩ, người có tài học, kể vào bậc danh nho về lúc cuối Lê. Lúc ấy Tây-sơn cướp mất cơ nghiệp của chúa Nguyễn trong nam, vua Gia-Long đương còn chạy trốn vô Nam-kỳ để lo khôi phục. Ông có làm bài hoài-nam ca, lời văn rất bi thiết, khiến cho lòng người lại nhớ đến công đức các chúa Nguyễn, mà vua Gia-Long sau lại khôi phục được giang-sơn. Bản-chí vừa tiếp được bài **Chức cảm hồi văn** dịch ra quốc âm này cũng là thủ mặc quý báu của ông để lại.

= × =

BÀI CHỮ HÁN

(Xem bản chữ Hán bên tay trái này)

Quân thừa hoàng-chiếu an biên thú,
Tống quân tống biệt Hà-kieu lộ.
Hàm bi yểm lệ tặng quân ngôn,
Mạc vong ân - tình tiện trường khứ.
Hà kỳ nhất khứ âm tín đoạn,
Ưc thiếp bình-vi xuân bất noãn.
Quỳnh-giao giai hạ bích-đài không,
San-hô trưởng-lý hồng-trần mãn.
Thử-thời đạo biệt mỗi kinh hồn,
Tương tâm hà thác cánh phùng quân.
Nhất-tâm nguyện tác thương hải nguyệt,
Nhất-tâm nguyện tác Lĩnh-đầu vân.
Lĩnh-vân tuế tuế phùng phu diện,
Hải-nguyệt niên-niên chiếu đặc biên.
Phi lai phi khứ đảo quân bàng,
Thiên lý vạn lý giao tương - kiến.
Thieu thieu lộ viễn quan-sơn cách,
Hận quân tái ngoại trường vi khách.

Khứ thời tổng biệt lư-diệp hoàng,
 Thùỵ tín kỷ kinh mai-hoa bạch.
 Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo,
 Xuân ý thối nhân hướng thùỵ đạo.
 Thùỵ dương mẫn địa vị quân phan,
 Lạc hoa mẫn địa vô nhân tảo.
 Đình tiền xuân tảo chính phân phương,
 Bảo đặc Tần tranh hướng họa đường.
 Vị quân đàn đặc Giang - nam khúc,
 Phó ký tình thâm đảo Sóc-phương.
 Sóc-phương thiếu đệ sơn hà việt,
 Vạn lý âm thư trường đoạn tuyệt.
 Ngân trang trầm thượng lệ chiêm y,
 Kim lữ la thường hoa giai liệt.
 Tam xuân hồng nhận độ giang thanh,
 Thử thị ly nhân đoạn trường tình.
 Tranh huyền vị đoạn tràng tiên đoạn,
 Oán kết tiên thành khúc vị thành.
 Quân kim ức thiếp trọng như sơn,
 Thiếp diệp tư quân bất tạm nhân,
 Chức tương nhất bản hiển Thiên-ử.
 Nguyên phóng nhi-phu cấp tảo hoàn.

X

BÀI DỊCH

Chàng vâng chiếu ra yên ngoài cõi,
 Thiếp đưa chàng tới lối cầu sông.
 Ngâm sâu gặt lệ nhả lòng,
 Chớ tham chốn khác mà vong tình này.
 Trông tin tức tới nay thăm thẳm,
 Đều buông hương chẳng ấm hơi xuân.
 Từ ngày đôi ngã cách phân,
 Mạn dần bụi bám, thêm dần rêu phong.
 Tưởng ly biệt nỗi lòng kinh sợ,
 Thiếp với chàng bao thừa gặp nhau.

Nguyên làm trắng giữa biển sâu,
 Nguyên làm mây phủ trên đầu non cao.
 Trắng giữa biển năm nào cũng thấy,
 Mây đầu non đường mấy cũng thông.
 Bay qua bay lại bên chông,
 Dù ngàn muôn dặm xa trông như gần.
 Quan sơn ấy mấy lần trở cách,
 Hiềm nỗi chàng làm khách rất lâu.
 Chàng đi mới ố bông lau,
 Mà nay mấy độ trắng màu hoa mai.
 Hoa trăm thức xuân tươi hơn hở,
 Xuân dục người than thở với ai.
 Dương kia đủ những tơ giải,
 Hoa kia rải cánh không người quét cho.
 Sân xuân sớm thơm tho trăm thức,
 Chốn họa đường lựa bậc đàn tranh.
 Giang-nam (1) năm khúc rành rành,
 Mượn đầu năm móng gợi tình Sóc-
 phương (2).
 Sóc-phương ấy đôi đường diều vợi,
 Âm thư (3) này nhắn gửi khôn thông
 Gợi riêng nước mắt tuôn giòng,
 Xiêm thêu áo vẽ lâu cùng mực tan.
 Ba xuân tới tiếng nhàn gặng gỏi,
 Xuân dục người bối rối như tơ.
 Năm giây còn đó sờ sờ,
 Buồn đà đứt ruột gầy chưa rời đàn.
 Chàng thương thiệp tình hơn núi nặng,
 Thiếp nhớ chàng tình chẳng kém thua.
 Dệt đem bức gấm dâng vua,
 Xét lòng gia thiệp tha cho chông về.

1) Tên khúc đàn Tàu.

2) Tên đất, là một nơi quân lính thường phải đi thú.

3) Tin tức thơ từ.

THI THOAI

Năm trước, tôi lên chơi chùa Thàv (ở núi Sài-Sơn, thuộc phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây). Ikấy có bài thơ đề vách, thự tên là một vị sư Xuân-Lan. Bài thơ nghe được lắm :

*Trải bao tuyết điểm lại sương pha,
Đá vẫn chơ chơ núi chứa già.
Động thánh (1) bốn mùa mây khói hợp,
Chợ trời (2) mấy độ thỏ, ô (3) qua.
Mặc cơn dâu bề cơ trời đất,
Riêng cỏi lâm tuyền (4) thú cỏ hoa.
Nhẹ bước vân du (5) lên đỉnh núi,
Bụi hồng ngoảnh lại đã xa xa.*

Ở Huế có vị sư Viên-Thành tu ở chùa Ba-la-mật, người rất có tài thơ ; thơ chữ hay, mà thơ quốc-âm cũng xuất sắc lắm, nghe truyền tụng được hai bài :

I. « Nhớ bạn »

*Cao thấp trời chung một hạt mưa,
Ra đời vô núi cũng duyên đưa.
Mấy phen sương tuyết trời mai nở.
Ngàn giặm tình hoài bóng nhận thừa (6).*

1) Trong núi có hang, tương truyền có vết chân của ông Thánh Từ-đạo-Hạnh.

2) Trên núi có chỗ gọi là chợ trời.

3) Thỏ là mặt trăng, ô là mặt trời.

4) Rừng suối.

5) Sư đi chơi gọi là vân du.

6) Xưa ông Tô-Vũ ở bên Hồ viết thư buộc vô chân chim nhận gửi về bên Hán, nên người ta thường nói thư nhận, tin nhận. Bóng nhận thừa là ít được thư bạn gửi.

Lò lửa nhớ chừng vầy chuyện cũ,
 Bàn cờ theo buổi ngắm trà (1) trưa.
 Nghĩ người đạo-khế (2) từng qua lại,
 Trăng giọi thêm rêu phải đó chưa?

2. « Chơi núi »

Lững đững bên trời ngọn giáng thưa,
 Dặng bờ thu thảo (3) ngọt cơn mưa.
 Rêu xanh đá mọc nhìn đường cũ,
 Khói biếc thành xây tưởng dấu xưa.
 Mây phủ dịp cầu sen ần ước (4),
 Cây lồng bóng nước cảnh thừa ư.
 Khách quen năm trước bây giờ đến,
 Thử hỏi non sông đã biết chưa?

Hai vị sư đó, kể nhân vật trong thuyền lâm (5) ngày nay cũng là hiếm có.

* * *

Ông Nguyễn-đỉnh-Ngọc, người làng Bình-lãng, huyện Ân-thị, tỉnh Hưng-yên, đỗ cử-nhân từ đời Tự-đức, làm đến giáo-thụ, rồi chán ý công danh về vui thú điền viên đã mấy chục năm nay, hiện tuổi gần 80 mà người còn khang kiện lắm, năm ông năm mươi năm có hai bài thơ tự thuật :

I

Vừa mới ngày nào tóc chấm vai,
 Đốt tay bấm đã ngoài năm mươi.
 Nặng nề chưa dễ dền ơn nước,
 Khuôn thép còn may trọn cách người.

1) Hoa trà.

2) Bàn tu-hành.

3) Cỏ mùa thu.

4) Trông không rõ, như có như không.

5) Rừng thuyền là chốn tu hành.

Học cũ thể mà tư tưởng mới,
 Nhà nghèo nhưng vẫn nói cười vui.
 Họa-sơn một giấc (1) say chưa tỉnh,
 Đã chắc hơn ai chắc kém ai?

II

Chân đi còn khỏe mắt chưa mờ,
 Thanh-phúc trời cho nghĩ quá thừa.
 Tơ trúc thú còn e tụi trẻ (1),
 Gió trăng nợ chữa xóng (3) làng thơ.
 Vin then quả đất theo trời chuyển.
 Khép cánh cung mây hẹn phật chờ.
 Đã gác chân ra ngoài cuộc đứng,
 Còn toan theo đuổi với ai giờ.

Coi hai bài thơ đó đủ thấy cái tính tình một con người thanh cao điềm đạm. vui đạo yên nghèo. Dù người không biết lịch-sử của ông. cứ nghe thơ cũng đoán ra được là một ông nhà nho đạo đức, thung dung ở ngoài khóa lợi danh danh vậy.

Lại còn được nghe hai bài nữa của ông: một bài "đọc sử":

Giải biển ngàn đông bụi tít mù,
 Trải qua chớp mắt bốn ngàn thu.
 Thành Loa vừa thấy xây vua Thục (4),
 Ải Lạng quanh co đuổi giặc Ngô (5).

1) Ông Trần-Đoàn ần ở núi Họa-sơn, ngủ một giấc trăm ngày.

2) Ông Tạ-An có nói: Lúc giở về già, thủynh thoảng nướn mượn tiếng tơ tiếng trúc làm vui, lại e lũ con trẻ hay được.

3) Xóng là song.

4) Trong sử ta chép: vua Thục-Phán xây thành Cổ-Loa.

5) Vua Lê-thái-Tổ đánh đuổi quân Ngô ở ải Chi-Lăng-Lạng-sơn.

Giấc mộng chẳng lâu mà chẳng chóng,
 Cuộc đời ai được lại ai thua.
 Còn non còn nước còn thơ thả,
 Chén rượu Trung Sơn (1) hãy gặt gù.

Một bài « Dạy con »

Đã chắc là con thép tính cha,
 Thế tình âu cũng dạy qua loa.
 Ngoài năm ba quyền còn nhiều việc,
 Trong ức muôn người sẽ thiếu ta.
 Chưa mở trí khôn đừng giở dại,
 Muốn xong việc nước phải êm nhà.
 Năm châu rộng rãi đường phẳng phẳng,
 Trăm tuổi lai nhai hẩm chữa già.

Hai bài thơ này kiến thức cũng rất là cao siêu, ý tứ cũng rất là hàm súc, người đọc chẳng những thấy hay mà vừa có ích nữa.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

1) Rượu Trung-sơn là rượu uống say đến ngàn ngày mới tỉnh (cứ trong sách Tàu nói vậy).



HỘ P T H U

Ông Đào đức-Hậu Moncay — Mandat 4\$00 của ông chúng tôi đã tiếp được, Xin lỗi ông về sự nhầm kỳ trước.

Ông Trần-văn-Phác Nha trang và ông Trương-công-Liêm Hà-Tiên. — Số 2, 3 còn đang in lại chưa xong. Khi nào xong sẽ gửi các ông xem.

Ông Lê-công-Hàm Vĩnh thạch Hôm 12-12-32 đã gửi báo số 5 ông xem.

Cùng các nhà đại-lý Trung Nam Bắc. — Xin các Ngài làm relevé về những số báo còn gửi ở quý-hiệu và gửi mandat về trả tiền cho. Những số 3, 4 nếu còn bao nhiêu xin các Ngài gửi trả cả cho vì ở bản-quán hết cả mà vườn còn nhiều người hỏi mua lắm.

VĂN THƠ

THƠ VĂN CỔ
Thảo-trang thi tập
(Tiếp theo số 7)

Buổi chiều mưa mới tạnh

Rút hột mưa từ, gió điểm chuông,
Hải còn thán thót giọt sân vương;
Mầu cây, ngàn bắc ai tô lục,
Bóng giăng non tây mới ruộm vàng;
Cửa kính phất phơ hơi gió nhạt,
Giàn hoa lóng lánh bóng giăng xương.
Thái bình cảnh tượng nghe gần đến,
Mũ áo cân đai sắp giao tường.



Nóng nực quá

Lá cây chẳng động lá đâu rồi?
Bóng giải trang trang, buổi nắng nôi.
Chè búp (1) nhấp luôn còn cóc giọng,
Quạt tây kéo mãi vẫn mồ hôi.

1) Chè búp là chè dân Thái-Nguyên thường dùng, họ hái búp cây chè phơi sấy lên làm chè uống: vị nó ngon ngọt tựa chè Tàu.

(Chú thích của tác-giả)

Giải nồng mưa sớm mây chưa hợp,
 Hóng mát sông chiều nước cũng sôi.
 Bực lắm muốn soay vòng đất lại,
 Hồ-tây mang đê trước hiên ngồi.



Nước lụt năm Quý-mão

Thấy ai cũng nói nước này to,
 To nước dân ta lại cả lo.
 Nơi cửa nhà cao còn bắc bực,
 Lối xe ngựa cũ phải đi dò.
 Phất phơ lá biếc bèo lưng giậu,
 Vùng vẫy giòng ngân lá đỉnh gò.
 Tức nước hèn nào bờ chẳng vỡ.
 Muốn khơi sông cũ chẳng ai cho.



Rằm tháng bảy mưa lụt

Nước còn lên mãi giăng chưa lui,
 Nay tết Trung-nguyên đã đến rồi ;
 Cờ phướn riêu dàn sư hết đất,
 Trống canh hộ nước tiếng vang giờ.
 Đòng đòng cân cần lên từng lũ,
 Ngựa nghèo, dù xe sắp một nơi.
 Cần trúc thuyền nan giăng thấp thoáng,
 Năm hồ bốn bể có riêng ai.

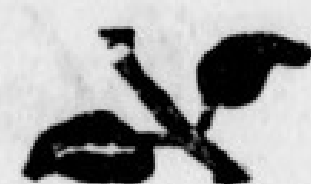
TIÊN-ĐÀM sao lục



Vịnh chùa Hư

Nam vô hai chữ chắc là đầu.
 Cảm nổi chùa Hư phật phải sầu.
 Nắng đợi mõ chuông khô nứt mặt,
 Mưa sa Kinh kệ ướt mem đầu.

Rằm ngươn (1) chẳng kẻ dựng dừa nếp,
 Ngày tháng không ai cúng phụng dầu.
 Đức cả từ-bi xin sớm liệu,
 Ngồi chờ Lương-Võ (2) thế còn lâu.



Vịnh hát bội

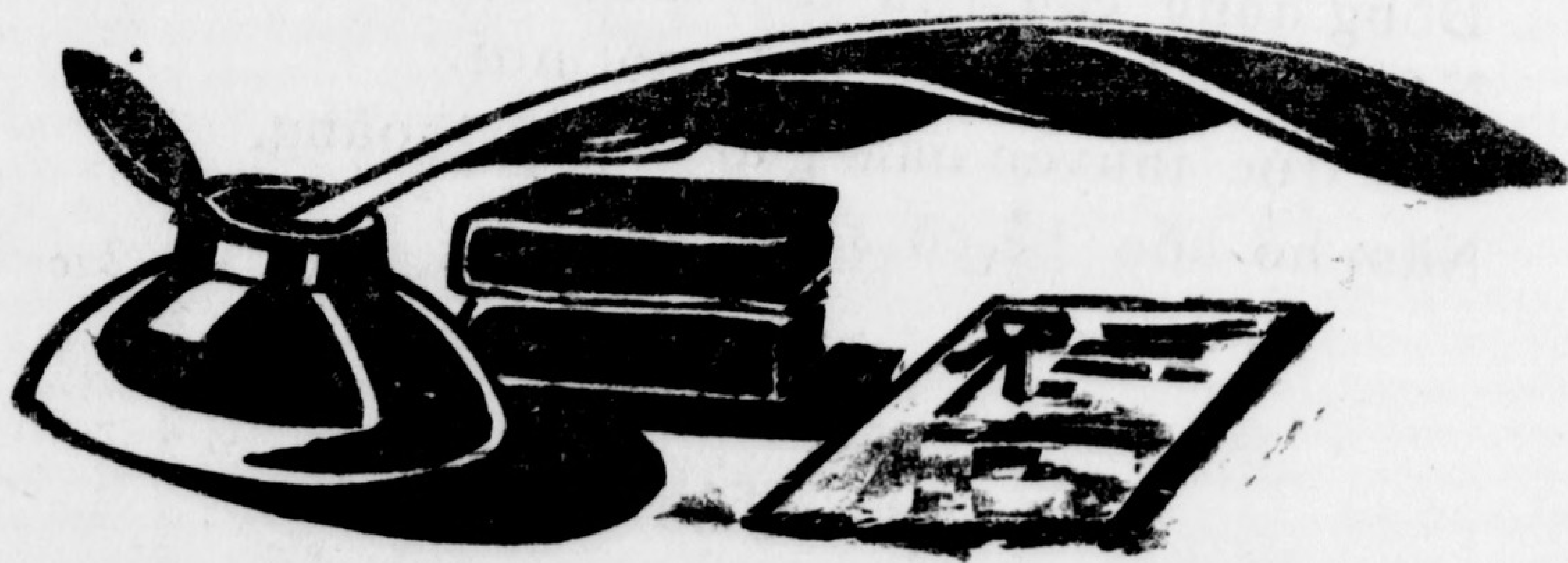
(Bài này lấy vần bài Từ-thứ qui Tào mà làm)

Đưa mắc ghẻ ruồi đưa lác voi,
 Bao nhiêu xiêm áo cũng tro mồi.
 Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,
 Đưa nịnh bàm râu mấy sợi còi.
 Trên trính có nhà còn lợp lợng,
 Dưới chơn không ngựa lại dơ roi.
 Hèn chi chúng nói bội là bạc,
 Bôi mặt đánh nhau cú lại thoi.

Nam Tinh Tử sao lục.

1) Ngày rằm, ngày thượng nguyên, trung nguyên v. v. là những ngày lễ ở chùa.

2) Vua Lương-võ-Đế là một ông vua sùng phật làm nhiều chùa.



*Kỳ này vì nhiều bài nên Chinh-phụ-ngâm dịch
 ra Pháp - văn kỳ sau mới đăng tiếp.*

BÀN NỮ THÂN DAN GIẢI

HÀ - XUÂN - TẾ

I

- Kiếp phù-thế (1) nhân-sinh (2) thắm-thoắt,*
2. - Vì chữ bần (3) nên ngất (4) chữ duyên (5).
Ai làm số phận (6) xui nên ?
4. - Há (7) thua sắc thắm, hà hèn (8) màu tươi.

Đoạn I (Câu 1-4)

CŨNG SẮC THẮM, CŨNG MÀU TƯƠI. CÓ SAO PHẢI CHỊU THÂN PHẬN THẾ NÀY ? CHẲNG QUA VÌ NGHÈO NÊN DUYÊN KHÔNG ĐƯỢC NHƯ AI.

(1) *Kiếp phù-thế.* — Kiếp nghĩa là đời người ; từ khi mới đẻ đến khi chết là một kiếp. Theo đạo luân-hồi của nhà Phật thì ta có nhiều kiếp : kiếp trước, kiếp này và kiếp sau.

Phù-thế. — Phù là nổi (ví dụ : phù - trầm là chìm nổi ; phù vân là đám mây bay nổi lơ lửng trên trời). Thế là đời (ví dụ : thế cục là cuộc đời). Phù thế là đời của người ta trôi nổi cũng như cánh bèo lênh-dênh trên mặt nước.

Trong Cung-oán-ngâm-khúc có câu :

Nghĩ thân phù thể mà đau,
Bọt trong bể khổ bèo dầu bến mê.

Câu đầu ý nói người ta sinh ra trôi - nổi trên đời và rất là mau chóng.

(2) *Nhân sinh*. — Nhân là người, sinh là sinh ra. Nhân sinh là người sinh ra trên đời.

(3) *Bần* là nghèo

(4) *Ngắt* là cắt đứt ; làm cho ngừng lại ; làm cho dờn ra.

(5) *Duyên* là tình-duyen, tơ-duyen, mối-manh kết nên vợ chồng.

Câu 2 ý nói vì phận nghèo nên tình-duyen lỡ làng.

(6) *Số phận* là số-mệnh và thân-phận.

Câu 3 là tỏ ý than - thở trách hờn. Trong Chinh-phụ-ngâm-khúc cũng có câu hỏi như thế :

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này ?

(7) *Há* là có đâu, ý nói không phải.

(8) *Hèn* là ít, hay kém sút.

Câu 4 dùng chữ sắc thắm, màu tươi, là vì người ta thường ví người con gái đẹp như cảnh hoa thắm-thía tốt-tươi.

II

Con (1) tạo-hóa (2) trêu (3) người chi tá,
6.-- Đem sắc-tài (4) thu (5) cả vào khuôn (6).

Hiên tây (7) thấp-thoáng giăng xuống (8),
8.-- Gió vàng (9) hiu-hắt như tuôn mạch sầu (10) !

Niềm tâm-sự (11) thấp cao mọi nỗi,
10 -- Tình-cảnh này biết nói cùng ai ?

Chống tay (13) mà nghĩ sự đời,
12.-- Bực mình (14) mà ngỏ (15) mấy lời vân vân (16)

Đoạn II (Câu 5-12)

NGƯỜI BUỒN CẢNH CŨNG ĐEO SẦU, TÂM SỰ LAO-ĐAO
CHẲNG BIẾT CÙNG AI THAN-THỞ !

(1) *Con* do chữ hóa nhi (hóa là hóa sinh, nhi là con nít).

(2) *Tạo hóa*.— Tạo là gây dựng (ví dụ tạo-lập) hóa là hóa sinh. Tạo-hóa (hay là Hóa-công, hóa-nhi) là đấng gây dựng hóa-sinh ra muôn loài muôn vật. Ta cũng gọi là « trời ».

(3) *Trêu* là chọc ghẹo làm cho người ta ngứa mắt khó chịu.

Trong Cung-oán-ngâm-khúc cũng có câu giống như thế :

Nào hay con tạo trêu người,

(4) *Sắc tài*. — Sắc tài là sắc đẹp và tài giỏi.

(5) *Thu* là thu lấy ; ví dụ : thu thuế.

(6) *Khuôn* là nói cái số mạng của trời định sẵn, bắt ai làm sao phải chịu y như vậy, cũng như cái khuôn của người thợ dùng để nung đúc đồ, cho vô cái khuôn thế nào thì thành hình đồ thế ấy.

Câu 6 ý nói con Tạo thật là độc địa, không cho ai chút tiện nghi, việc gì cũng thu vào khuôn cả, cho đến kẻ có sắc có tài cũng không thoát khỏi vòng. Vì vậy, bởi tay tạo-hóa cố trêu nên kẻ sắc-tài hay mang mệnh bạc.

(7) *Hiên tây* là mái hiên phía tây nhà. Cũng như trong câu :

Nàng còn đứng tựa hiên tây (Kim-vân-Kiều).

a) Trong một nhà thường chia ra hiên đông và hiên tây. Cha mẹ thì ở bên đông ; con cái ở về hiên tây, cho nên phòng học của con trai cũng gọi là

tây - sương; và khi tiếp khách đến thăm nhà cũng dọn phòng phía tây cho khách trú.

b) Hiên tây cũng có nghĩa là hiên về phía tây tức phía mặt trời mặt trăng lặn.

(8) *Giăng xuống* là bóng sáng mặt trăng chiếu ngang qua mái hiên như một vật gì đụng chạm nhẹ-nhẹ.

(9) *Gió vàng* (Xem câu *Gió vàng* hiu hắt như tuôn mạch sầu). Trong *Cung-oán-ngâm-khúc* cũng có câu như vậy :

Trái vách quế gió vàng hiu hắt,

Gió vàng do chữ kim phong, là ngọn gió mùa thu bởi vì thu thuộc về hành kim.

(10) *Tuôn mạch sầu* là nhỏ sa nước mắt vì trong lòng sầu cảm.

Câu 8 ý nói trong lòng sẵn có mối sầu, nên khi cảnh thu buồn bực thì khôn cầm giọt lệ.

(11) *Niềm tâm sự*. — Tâm là lòng, sự là việc. Niềm tâm sự là nông nổi riêng trong lòng.

(12) *Tình cảnh*. — Tình là nói về bề trong, cảnh là nói bề ngoài. Tình cảnh một người là nông-nổi trong lòng và cảnh-ngộ bề ngoài của người ấy.

Câu 10 ý nói vì thân-phận nghèo-khó nên phải mang lấy nông-nổi đắng-cay như vậy, mà chẳng biết cùng ai than thở.

(13) *Chống tay* thường để tả khi ta ngồi im-lặng nghĩ-ngợi việc đời khó-khăn và đau-đớn. Trong *Cung-oán* có câu :

Chống tay ngồi ngẫm sự đời,

(14) *Bực mình* là tức mình, căm-gận, khó chịu, như khi bị ai phá-phách quấy-nhiều.

(15) *Ngỏ* : tỏ bày tâm-sự mình ra cho người khác.

(16) *Vân vân* : ý nói như những lời đã nói và sắp nói ra sau đây.

(còn nữa)

NHỮNG TRUYỆN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VĂN.



Ông Khang-Hữu-Vi cùng một cô dâu mới.

Nói đến tên Khang - Hữu - Vi, chắc bạn đọc-giả nhiều người đã biết.

Thầy học ông Lương-Khải-Siêu, ông là một nhà văn hào và là một bậc danh nhân nước Tàu vào đời vua Quang-tự. Ông lại chính là người đối thủ với ông Tôn-Văn vì ông xưng chủ nghĩa bảo hoàng mà ông Tôn thì làm đầu phe cách mệnh.

Ông người nghiêm khắc, ít ai gần ông được, dù bọn vương tôn quý khách hay bậc nữ lưu sang trọng, ông ít hề giao thiệp với. Ấy thế mà có một lần ông đùa bỡn với một cô dâu mới bằng một cách phong nhã và thú vị lắm.

Lúc ông bị nạn ở Tàu, chạy qua Nhật bản, ở thành Hoành-tân. Bấy giờ ở đây có một người khách Quảng-Đông giàu có đến

trệu cưới vợ cho con, nghe ông mới đến, cố năn nỉ mời ông lại để cuộc vui thêm long trọng. Vì có người đồng hương mà lại cùng ở đất khách, ông nhận lời đến dự tiệc.

Tục Quảng - Đông trong đám cưới thì đều thứ nhất, sau khi rước dâu về, có tục gọi là tục « náo phòng » náo phòng là những khách vừa nam vừa nữ trong đêm ấy kiếm chuyện quấy phá chàng rể và cô dâu, hoặc nói bông đùa hoặc xưng họa hay uống rượu cốt để đôi vợ chồng mới phải rộn ràng bực tức.

Theo phép lịch sử, và cũng vì ý sùng bái danh nhân, nên hai họ mời ông Khang mở cuộc náo phòng trước. Ông bèn bảo lấy tờ giấy đỏ cùng bút mực rồi ông viết mấy chữ này :

司月二大旦牛住了

Viết rồi ông bảo cầm đưa vào cho cô dâu trong phòng xem

bắt cứ mỗi chữ ấy cho thêm một nét thành 8 chữ khác có nghĩa ; nếu cô không làm được sẽ phải phạt rượu.

Cô dâu mới này vốn là nữ học sinh vừa ở nhà trường ra được hơn một tháng nên khi tiếp được mảnh giấy kia, nghĩ qua loa một lúc rồi tay cầm bút gạch mỗi chữ thêm một nét thành 8 chữ có nghĩa. Khi viết cô có ý không vui, nên cô đỏ mặt tía tai then thùng khó chịu. Cô viết xong cho người cầm ra thì người ta thấy 8 chữ này.

同 用 工 夫 早 生 佳 子

Ai nấy đều vỗ tay cười vang cả nhà, một đảng họ phục cách chơi của ông Khang là tài tình

và nhã thú, một đảng họ khen cô dâu là người thông minh nhanh nhẹn và lịch thiệp.

Theo 8 chữ ông Khang viết thì đọc là.

Tư nguyệt nhị đại đán ngư trú liễu không có nghĩa gì, nhưng mỗi chữ thêm một nét như cô dâu đã thêm đó thì thành 8 chữ đọc là : *đồng dụng công phu tảo sinh giai tử* nghĩa là cùng dùng công phu, sớm sinh con tốt, ấy là lời ông Khang chúc cho đôi vợ chồng mới mà tức cười vì 4 chữ đồng dụng công phu.

Câu chuyện lý thú thang ! Ký giả được nghe một ông trong Nam nói nên thuật lại để độc giả cùng xem.

KH. S.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Trong *Văn-Học-Tập-Chí* số 4, ở trang 68, chúng tôi đã từng có bài giới-thiệu quyển **GIẢN YẾU HÁN-VIỆT TỪ-ĐIỂN** (*Dictionnaire sino-annamite avec annotations en français*) của ông **VỆ - THẠCH ĐÀO-DUY - ANH** soạn.

Nhưng đó mới là quyển thượng từ chữ A đến chữ M. Nay lại tiếp được quyển hạ từ chữ N đến chữ X của ông mới in xong. Thế là quyển từ điển này đủ bộ. Quyển hạ này dày 604 trang.

Giá bán sửa lại như sau : trọn bộ 2 quyển 6\$50

cả tiền cước gửi là 7\$

Hai quyển đóng chung bìa vải chữ đề thếp vàng 8\$

cả tiền cước gửi là 8\$50

Ai muốn mua xin cứ gửi vào tác-giả ở Quan-Hải Tùng-Thư Huế.

LƯỢC KHẢO VỀ VĂN HỌC SỬ NƯỚC TA

HÁN-VĂN

Thời kỳ thứ ba (tiếp theo)

NGUYỄN TRIỀU

Phép học phép thi. – Về Nguyễn triều, phép học phép thi cũng phỏng theo nhà Lê. Vua GIA-LONG (1802-1820) khi đã thống nhất Nam Bắc rồi, lưu ý ngay đến việc học việc thi trong nước. Ngài lập *quốc tử-giám* ở kinh-dô, đặt chức *đốc học* ở các trấn và đến năm 1807 bắt đầu mở khoa *thi hương*.

Đến đời vua MINH-MỆNH (1820-1840) việc văn-học lại càng mở mang. Năm 1822, mở khoa *thi hội*. Ngài lại đặt *quốc-sử quán* để làm quốc-sử và xuống chiếu khuyến khích việc trứ thư tập ngôn.

Vua Tự Đức nối ngôi cũng là một ông vua thâm nho học và hay chữ, nên ngài lại trọng việc văn-học lắm. Ngoài các kỳ thi hương thi hội, ngài lại mở thêm mấy khoa thi bất-thường để chọn nhân tài: *nhã-sĩ-khoa* và *cát-sĩ-khoa*. Lại đặt ra *tập hiền-viên* và *khai-kinh diên* để cùng với các quan bàn sách vở làm thơ phú và luận việc chính-trị. Lại sai các quan trong Quốc-sử quán soạn bộ « Khâm-Định Việt-Sử ».

Trong mấy đời KIẾN-PHÚC, ĐỒNG-KHÁNH, THÀNH-THÁI, việc học việc thi vẫn theo như cũ, mãi đến khi nhà nước Bảo-hộ cải-lương lại phép học phép thi.

Từ đời Tự-Đức trở về sau, văn-học ở nước ta mỗi ngày một suy: cái tệ khoa-cử càng ngày càng sâu, các sĩ-phu chỉ trọng cử-nghệp vụ từ-chương mà bỏ phần đạo-lý. Vả chẳng lối học ta ngày xưa chỉ chuyên về văn-chương lịch-sử mà không tưởng gì đến toán-học, cách-trí, nhiều bề hư-văn thiếu phần thực-dụng,

1) Xem Văn-học số 5, 6 7 và 8.

thật không đủ mà sinh-tồn ở cái thế-giới ngày nay. Bởi vậy nước Pháp từ khi sang bảo-hộ xứ ta, biết cái tệ khoa-cử trong lối thi ta cùng các khuyết - điểm trong lối học ta, mới dần dần tìm cách cải-lương phép học phép thi cho hợp với cách sinh-hoạt của một dân-tộc ngày nay.

*

Trong Nam-kỳ từ năm 1867 là thuộc-địa của nước Pháp thì sự cải-cách ấy thi-hành rất mau. Khi vua ta nhượng xứ ấy được ít lâu thì chính - phủ Pháp bãi khoa thi chữ nho và các trường dạy chữ nho, rồi mở trường Pháp-Việt dạy chữ Quốc-ngữ và chữ Pháp, không bao lâu mà chữ nho dần dần không ai học nữa.

Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, việc cải - lương có phần khó khăn hơn và phải làm lần lần để khỏi mất lòng dân. Năm 1906, Chính-phủ bảo-hộ đặt ra *Hội-đồng cải-lương học vụ* để sửa đổi lại phép học phép thi: một mặt thì mở mang nền học Pháp-Việt, một mặt thì thay đổi lại chương-trình nam học, thêm các khoa cách-trí, toán-pháp, địa-dư, chính trị vào các khoa văn-chương, luân-lý và lịch-sử, dạy quốc-ngữ và chữ Pháp ngang với chữ nho; các bậc thi như tuyển-sinh, khóa-sinh, hương-thí và hội thi cũng châm - chước theo chương-trình ấy. Năm 1908, đặt thêm *học-bộ* để trông nom việc thi-hành các việc cải-lương ấy.

Từ đấy, nền tân-học mỗi ngày mỗi thịnh thì hán-học cũng càng ngày càng kém đi. Địa-vị chữ nho dạy trong các trường dần dần bớt đi mà địa-vị chữ quốc ngữ và chữ Pháp tăng lên.

Ở Bắc-kỳ sau khoa thi hương năm 1915 thì thi ấy bãi; cái trường dạy chữ nho cũng bãi đi.

Ở Trung-kỳ thì đến năm 1918 cũng bãi thi hương và năm 1919 có chỉ-dụ bãi thi-hội và các trường dạy chữ nho ở Trung-Bắc-kỳ, thay làm các trường Pháp-Việt giao cho nhà nước Bảo-hộ trông nom các trường ấy và cấp các văn bằng.

Thơ văn sách vở — Về triều Nguyễn, sự trứ-thuật thình nhất về đời Minh-Mệnh, Tự-Đức.

Về lối **ngâm vịnh** thì các vua Minh-Mệnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức đều có thơ ngự chế : đức MINH-MỆNH có soạn hai tập là *Ngự chế tiểu bình Nam-kỳ tặc khẩu thi tập* vịnh về việc dẹp giặc ở Nam-kỳ từ năm 1833 đến năm 1835, và *Ngự chế thi tập* ; đức THIỆU-TRỊ có soạn ra 3 tập là *Ngự đề danh thắng đô hội thi tập* vịnh các nơi thắng cảnh, *Ngự chế Bắc-tuần thi tập* vịnh việc ngài ra chơi Bắc-kỳ và *Ngự chế vũ công thi tập* vịnh việc đánh dẹp các nơi ; đức Tự-Đức có tập *Ngự chế Việt-sử tổng vịnh* vịnh các nhân-vật sự-trạng trong sử Nam.

Các thi-sĩ trong mấy triều ấy cũng nhiều, nhưn ; có tiếng nhất là bốn ông : NGUYỄN-SIÊU hiệu Phương-Đình, CAO-BÁ QUÁT hiệu Chu-Thần, TÙNG THIỆN-VƯƠNG, TUY-HÓA-VƯƠNG. Vua Tự-Đức đã có câu thơ khen bốn ông ấy rằng :

Văn như Siêu, Quát vô Tiền-Tấn,

Thi đáo Tùng, suy thất Thịnh-Đường (1).

Thứ đến các ông TRỊNH HOÀI-ĐỨC (*Cẩn trai thi tập*), NGUYỄN-DU (*Bắc hành thi tập*), PHẠM-HỮU-NGHỊ (*Đạm Trai thi tập*), PHẠM PHÚ-THỨ (*Gia viên thi văn tập*), v. v.

Ông PHẠM-ĐÌNH-HỒ về đời Minh Mệnh có soạn ra mấy bộ sách có giá-trị về đường văn-học và khảo-cổ như *Vũ trung tùy bút*, *Kiến khôn nhất lãm*, *Hi kinh trắc lãm*. Ông lại cùng với ông NGUYỄN-ẤN chép bộ *Tang thư* ngẫu lục phần nhiều chép về nhân-vật và phong tục đời Lê-Mạt Nguyễn Sơ.

Về mặt Sử-ký địa-dư thì về triều Nguyễn trứ thuật

1) Nghĩa là Văn như ông Siêu, ông Quát thì không có đời Tiền-Tấn nữa mà thơ đến ông Tùng, ông Tuy thì mất cả nhà Thịnh-Đường. Đời Tiền-Tấn là đời văn hay có tiếng bên Tàu, đời Thịnh-đường là đời thơ hay có tiếng bên Tàu. Vua Tự-Đức nói thế là ý muốn khen thơ văn của các ông ấy có **ăn** hay hơn văn thơ đời Tấn đời Đường.

rất nhiều : trước hết là các bộ sách ở Quốc - sử quán phụng chỉ soạn ra, như bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* là bộ sử nhơn nhất ở nước ta, chép từ đời Hồng-Bàng đến hết nhà Hậu-Lê, trong tham-khảo cả các bộ sử trước mà dọn lại ; các bộ *Thực lục* chia làm *tiền biên* chép công việc của các vị chúa Nguyễn và *chính biên* chép công việc các đời vua bản-triều ; các bộ *Đại-Nam liệt truyện* chia làm *tiền biên* chép tiểu-truyện các nhân-vật về đời các chúa Nguyễn và *chính biên* chép tiểu truyện các nhân-vật về các đời vua bản-triều. Mấy bộ sách ấy thật là những cái kho tài liệu để khảo cứu về lịch-sử nước ta.

Ông PHAN-BUY-CHÚ (1782-1841) làm quan về đời Minh-Mệnh soạn ra bộ *Lịch Triều hiến chương loại chí*. Trong bộ này, tất cả có mười mục là địa-dư, nhân vật, quan chức, lễ-nghi, khoa-mục, quốc-dụng, hình-luật, binh-chế, văn-tịch, bang giao ; trong mỗi mục, tác-giả tra-cứu ở các sử sách chép thành những thiên chuyên-khảo nói rõ các việc canh-cải hiến-thiên từ đời thượng-cổ đến đầu bản-triều, thật là một bộ sách có giá-trị về đường sử-học nước ta.

Ông LÊ-QUANG-ĐÌNH làm binh-bộ thượng-thư đời Gia-Long phụng chỉ soạn bộ *Nhất thống địa dư chí* trong chia ra từng trấn, ghi chép rõ núi sông, đường sá, cầu quán, chợ búa, thổ-sản, phong - tục, nhân - vật. Đến đời vua Thành-Thái quan học-bộ thượng-thư CAO XUÂN-DỤC sung Quốc-sử quán tổng - tài lại soạn ra bộ *Đại Nam nhất thống chí* cũng theo cách sắp đặt của quyển trên cốt sửa đổi lại cho hợp với sự thay đổi về sau này.

Ngoài các bộ ấy hoặc ở quốc-sử quán soạn ra, hoặc bởi các quan phụng chỉ soạn ra, cũng còn nhiều bộ có giá trị của các nhà học-giả trừ thuật ra như quyển *Gia-Định thông chí* của ông TRỊNH HOÀI-ĐỨC chép về địa-dư và lịch sử - đất Gia-Định lúc các Chúa Nguyễn mới vào khai thác trong ấy, quyển *An-nam chí* của ông PHẠM ĐÌNH-HỒ, v. v.

(Còn nữa)

HẢI-LƯỢNG



MÚI TÊN ĐỘC

(NÀ THOÔNG ĐIAI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

Trong đám các cô phù dâu, có Mai-Dung tốt giọng lại tài đối-đáp hơn cả. Nhan sắc của cô thêm đẹp tuyệt vời. Các cậu trai tơ, như cậu Bàn-văn-Vát, thì nhau đem những câu tình-tự hát lên để đo-dẫn lòng cô. Lắm lúc các cậu lâu-khân quá cô Mai phải đem những câu có ý sẵn hát giả nhời khiến cho các cậu phải tự thẹn mà lảng dần. Mai Dung thấy tạt-sắc mình được nhiều người chú-trọng cô cũng lấy làm thỏa tẩm lòng tự cao thực. Nhưng càng thế cô lại hình như càng muốn chắt-chiu cái tài ấy để đợi chờ người xứng đáng. Chờ ai? Mỗi lần cô được người tán dương, thì cái ý nghĩ ấy lại đưa linh hồn cô đi tận cõi mộng-tưởng xa-xôi. Rồi cái hình ảnh Bạch-Hùng tự-nhiên mỗi lúc một hiện rõ trong tưởng-tượng khiến cho lòng tơ lai-láng bồi-hồi. Tự nhiên cô so-sánh cái hình ảnh ấy với những nét mặt trai-tơ tro trên đang sừng quanh mình cô mà thả giọng bướm ong. Một đấng có cái vẻ đẹp lẫm liệt của một người nam-tử giàu cảm tình nhiều tư-tưởng biết ham-thích cái đời tự-lập do sự cần-cù nhẫn-nại. Một đấng thì mày râu nhẵn-nhụi của hạng con nhà chỉ quen dựa vào quyền thế cùng sự giàu có

của cha anh mà chơi - bời lêu - lổng. Trí cô cứ vẫn - vợ nghĩ tới Bach - Hùng rồi lại nghĩ cái duyên phận của mình, nghĩ đến cuộc tương lai . . . Cô thấy nhiều người ca tụng cái tài-sắc của cô, cô càng mong Bach - Hùng đến để nhân dịp ấy cô đem hết cái vinh-quang của mình dâng tặng người yêu. Mỗi lần có tiếng chân người lên thang, Mai-Dung lại ngoảnh cổ nhìn. Mỗi lần nhìn trong mắt cô hình như tắt mất một tia hi vọng. Rồi cũng vì thế, đối với cuộc vui đêm ấy, cô có vẻ hững hờ

Tiếng pháo lại nổ vang. Hai chiếc chiêng đồng, biểu-hiệu của cô dâu chú rể, gióng lên mấy hồi, báo cho mọi người biết giờ tốt đã đến. Ngoài sân sáu ngọn đuốc sáng rực sắp hàng dẫn lối, cặp chiêng đồng theo sau, chốc chốc điểm ba tiếng díp dàng bọn thợ kèn phồng má phun ra những tiếng vi-vo inh - ỏi, cách sau đám bước Mần-phá mở lối cho bọn nhà trai, Cuối cùng đến Mần-tả đưa Mần - nhảm và họ nhà gái thủng-thẳng tiến theo. Giọc đường, họ nhà gái chốc - chốc lại đứng dừng lại, hát mấy câu đố hay câu ví. Nếu trong bọn phù để có người giải đáp được thì các cô mới chịu đi lên.

Những-những như thế mãi khuya mới tới nhà trai. Một hồi pháo đón dâu lên nhà nghiêng nón làm lễ vua bếp, lễ đường thờ, lễ cha mẹ chồng và chào mừng họ - hàng. Nghi lễ xong, hai họ lại ngồi đánh chén, trai gái lại được dịp coi thi.

Lúc ra về thì đêm đã khuya. Mặt trăng gần ngậm núi. Trên nền trời cao thắm màu lơ sam, Mai-Dung nhìn mấy ngôi sao lấp lánh như giọt - lệ âm-thầm, dưới ánh trăng biêng - biếc cảnh vật hiện ra như mộng. Đứng chân trời, sau làn sương mỏng như cái màn lượt trắng, núi non lơ - mờ lùi xa thẳm. Trong những bụi cây ngậm bóng đứng lẳng-lặng bên đường người ta cảm - giác như có bao nhiêu vẻ kinh sợ của đêm ảm nấp để đợi dịp sồ ra dọa - nạt những khách qua đường lẻ bóng. Trừ cái tiếng dun tiếng dế nỉ non dưới gốc cỏ và thỉnh - thoảng tiếng chó sủa bụi tre, cảnh vật im - lặng như tờ. Chính bọn trai gái ở nhà đám kéo ra đã phá tan cái tịch mịch đó. Những câu hát khi lên bổng lúc xuống trầm, ngân-ngơ não ruột của bọn trai gái thanh niên hợp thành một khúc nhạc nồng - nàn phản lại cái lạnh lẽo vô-tình của cảnh vật. Mai-Dung

rảo bước đi nhanh, mong về
cho trông, nhân tiện bọn trai tơ
quấy nhiễu. Bỗng có người nắm
lấy vạt áo, cô giật mình quay
lại, thấy cậu Bàn-văn-Vát rón-
rén theo sau. Cậu ta riện rất
sang, khăn lượt, áo xuyên sai-
gon, quần chức bầu, giày bit gót
miệng nhai trầu bồm-hẻm thấy

cô Mai quay lại, cậu mủm-mỉm
cười mà hát rằng : (1)

Gặp đây anh nắm cổ tay,
Anh hỏi câu này em trả lời cho.
Ngày xuân thắm thoát bay qua,
Tóc xanh mấy độ hóa ra bạc đầu?
Yêu nhau xin ngỏ cùng nhau,
Cho phu lòng đầy đã sâu lòng đây



Mai-Dung bất đắc dĩ đáp :
Một mình lẻo đẻo canh khuya,
Bóng trắng đã sể lối về còn xa.
Buông cho em trở lại nhà,
Tuổi em còn nhỏ nguyệt hoa chưa
tường.

Hát xong nguầy bước tiến lên.
Cậu Vát thấy cô Mai chối gọn
như thế, vừa ngạc nhiên vừa thẹn
nhưng vẫn gượng theo :

Yêu nhau nhích lại cho gần,
Làm chi kẻ Việt người Tần xa-sôi.

1) Dịch nghĩa.

— Mai-Dung hỏi, sao cô nỡ vội vàng thế?

— Thưa anh, nhưng mà tôi không biết câu gì thưa cùng anh cả.

— Tôi thì tôi có nhiều câu muốn nói cùng cô. Cô hãy khoan khoan rồi tôi đưa về cũng còn kịp chán. Vả hai người cùng đi chả vui hơn sao! Mai-Dung ơi, sắc cô đẹp như bông hoa lan mùa xuân, tiếng cô hay như tiếng oanh ban sáng, lòng tôi lấy làm yêu-mến lắm. Ít lâu nay, hễ lúc nào được nom thấy cô thì lòng tôi ví như bông lúa chiêm gặp trận mưa rào, mát mẻ sung-xương vô cùng. Trái lại, hễ lâu không được gặp cô để nhìn nét mặt, nghe tiếng nói thì lòng tôi thấy buồn rầu lạnh lẽo như mùa đông thiếu ánh mặt trời...!

— Anh có lòng như thế, em xin cảm-ơn. Tiếc rằng.....

— Lắm lúc tôi tưởng nhớ cô quá, thường một mình vơ-vẩn lên gò, đem những câu hát nào-nùng gửi vào làn gió êm-đềm, họa may có lọt tới tai cô. Buổi trưa nào nắng-nực, tôi lên ra ngoài bờ suối, muốn đem hết nỗi lòng trút xuống giòng nước chảy, nhờ nó đem tới bến tâm mát cô thường

tắm rất. Ban đêm ra sàn ngồi, ngẩng đầu nhìn những ngôi sao lấp-lánh trên trời, tưởng chừng như đó là cặp mắt cô đã soi thấu nỗi lòng cho. Ấy chỉ mới tưởng-tượng được như thế mà tôi đã thấy sung-xương lạ-lùng.

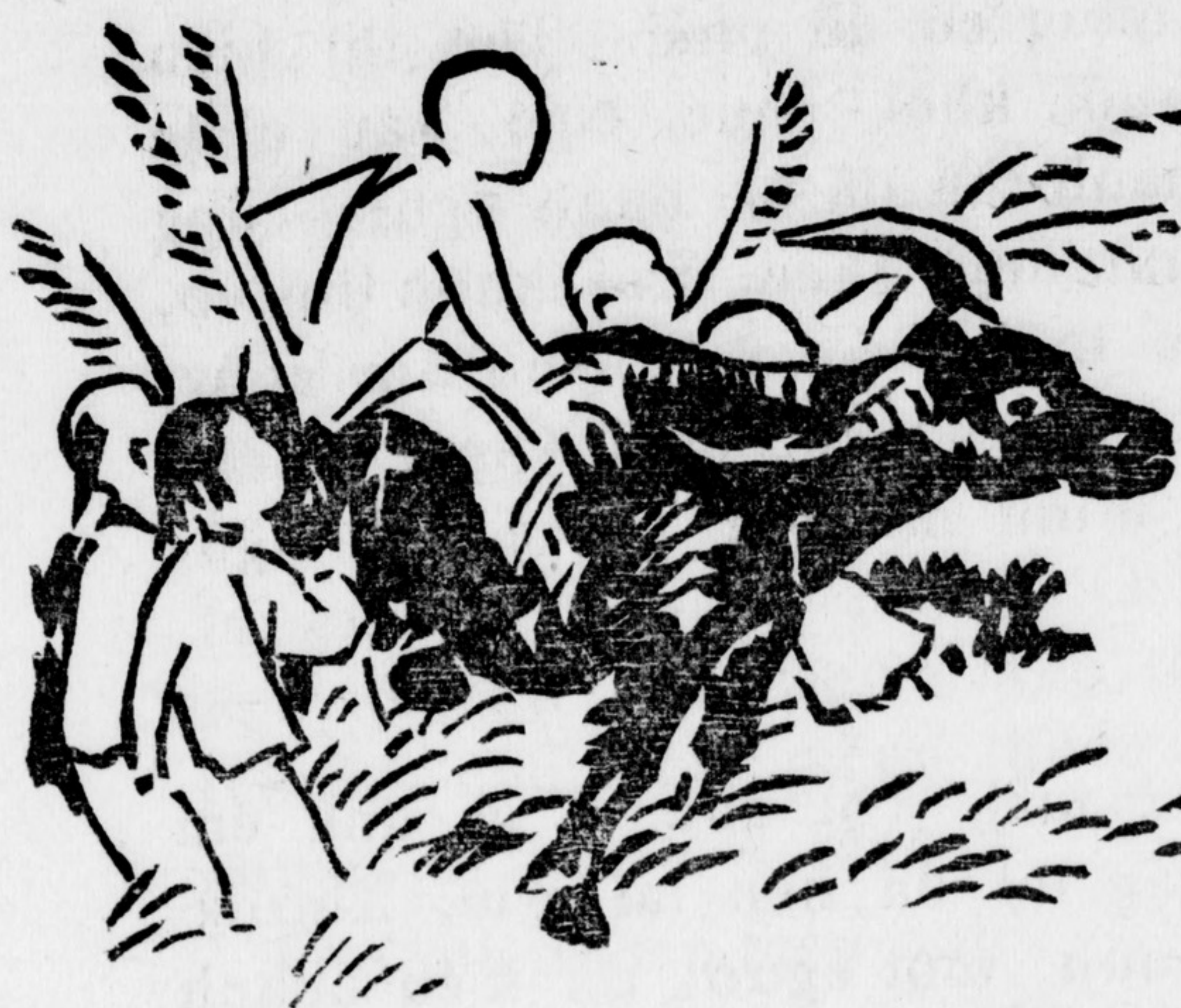
— Anh Vát ơi, xin anh chớ đem những nhời ấy làm vẩn đục lòng em, ví như đưa trẻ sinh-nghịch kia cố-ý đuổi đàn trâu nặng-nề xuống làn nước suối trong xanh.

— Tắm lòng tôi yêu cô cũng như con chim yêu ánh mặt trời sáng ảm. Mặt trời có bao giờ đem ánh sáng của mình nung-nấu lòng chim. Không được thấy mặt cô, đời tôi đã khổ thay. Nếu bị cô cự-tuyệt thì cuộc đời đối với tôi sẽ thế nào? Chắc cuộc đời mà tôi rất yêu-mến kia sẽ bỏ dẫu tôi ví như nước thấm trong chiếc khăn tay rỏ dần đi từng giọt vậy.

Cái tội ấy không phải tự em!

Cậu Vát còn toan nói nữa thì một bọn đông các bà bồng tự trong mộ lối tắt đi ra, Mai-Dung nhập ngay vào đấy. Bất đắc dĩ cậu phải lảng, trong lòng bực tức như con hổ bị người giạt mất mồi...

(Còn nữa)



HOA LƯ' KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN GIẢ : Dương Bá-Trạc

HỒI THỨ BA

(Tiếp theo)

Nguyễn-Bặc, Đinh-Điền cùng nói :

— Gớm ! bác Bộ-Lĩnh, bác khinh chúng em hèn quá, dễ - thường chúng em không biết được đại chí của bác đấy hay sao ? mấy anh sứ - quân đó khi kiêu, lượng hẹp, không ơn tin gì đủ phục được sĩ, không nhân nghĩa gì đủ kết được dân, tưởng chẳng những sách dếp cho bác không đáng đã đành, đến chúng em đây cũng không khi nào chịu bán rẻ cái giá mình cho phường mắt thịt ấy. Trời bắt tội nước mình dân mình mà để cho mấy anh sứ - quân đó cứ được vây - vùng ngang - dọc mãi, thì dân mình càng ngày càng thêm deo - leo khổn khổ, nước mình chẳng bao lâu lại bị người Tàu giòm - dò, như mèo thấy mỡ, chắc thấy hờ là dớp luôn. Muốn cứu dân giúp nước mà định kiến công² lập nghiệp thế nào, chứ kiến công lập nghiệp gì lại đi phò mấy anh chuột chết đó.

Bộ-Lĩnh lại nói :

—Phải, hai bác nói cũng có lẽ phải. Thế thì hiện nay cơ nghiệp nhà Ngô đã khôi-phục, Ngô hậu-chúa lại chính vị ngôi trời, thanh thế đã to, danh nghĩa cũng thuận: chim khôn đậu nóc nhà quan, trai khôn tìm vợ, gái khôn tìm chồng, mà tôi khôn cũng nên tìm chúa, bỏ chỗ tối mà tới chỗ sáng bỏ chỗ nghịch mà tới chỗ thuận. tôi tính anh em mình nhất quyết về thờ Ngô-chúa cả là yên.

Nguyễn - Bắc đáp.

— Bác đừng nói ỡm - ờ mãi. Tôi còn lạ gì anh em Ngô-hậu-chúa, Xương-Ngập thì đã hèn lại hợm, Xương-Văn thì có dũng không mưu, một người thì kiêu hoành chuyên quyền, một người thì thô táo khinh-suất, chẳng qua nhờ được cái dư oai vua Ngô-Quyền trước, nhân Dương Tam-Kha phản nghịch bị lòng người công phần mà Ngô-hậu-chúa kiêu-hạnh thành công; chứ thời buổi loạn lạc này, trong nước đã từ phân ngũ liệt, trật tự nghiêng ngửa, giương mắt tung-bành, phải có người đại tài đại đức lắm mới bình định nổi, anh em Ngô-hậu chúa rồi đây hai bác xem, chẳng qua cũng trung vương trung bá trong một xó tiểu giang sơn như mấy anh sứ-quân khác, mà Xương - Ngập kiêu hoành như thế, lòng người chắc một ngày một thêm li tán, thế lực chỉ có phần xuống không mong gì có phần lên, Xương-Văn ngổ ngáo không biết lo sâu nghĩ xa, thế nào cũng có ngày vì khinh xuất mà thủ họa. Tôi đã nghĩ chán nên đành bỏ tay vác cày trong xó núi, không ham gì sĩ tiến với nhà Ngô; Nay may gặp được hai bác mà nếu cũng chẳng định liệu ra được cách nào, thì tôi đây lại về ngay hải nhậm cuộc đất thẳng.

Đinh-Điền nói :

— Bác Nguyễn ! Bác đừng vội nóng. Người có con mắt ở đời này, ai lại chẳng biết thế; bác Bộ-Lĩnh há rằng không biết thế hay sao, có đều bác biết hai đứa mình chỉ lượng tài đức cái gì cũng còn kém bác xa, e không

dám quá bạo, bay cao nhảy xa, cũng theo gó phất cờ, cầu thả theo thời mà kiếm tiếng kiếm miếng vậy, nên cổ nói thác ra thế để thử ý hai đứa mình. Thôi ! đã là tâm phúc tương kỳ, tôi xin nói ngay một câu giữa gia rằng : người có đại tài đại đức bình định nổi cái loạn nước ta ngày nay chẳng phải bác Bộ-Lĩnh mình thì còn ai vào đấy nữa ; nếu mấy anh sứ-quân mà có thể nên việc được, hay là anh em Ngô-hậu-chúa mà chắc hẳn gây dựng lại được nghiệp lớn vua Ngô Quyền thì bác chẳng còn đi cày, tôi cũng chẳng còn giồng thuốc mà bác Bộ-Lĩnh có đi kiếm chúng ta làm cóc mốc gì.

Bộ-Lĩnh nhoẻn mép cười, vỗ vào vai hai người mà rằng :

— Tưởng đâu chỉ một mình mình có cái chí mọn già-tràng lấp bễ, biết đâu thiên hạ lại còn lắm kẻ cũng gan đốt trời, như mình, một phường khổ rách áo ôm với nhau, xích thủ không quyền mà dám mơ màng đến những sự-nghiệp Hoàng-vương đế-bá, coi những kẻ đương đóng trống mở cờ, tiền hô hậu hét chẳng khác chi lũ thổ bầy hồ, nghĩ anh em mình như thế cũng tợn thật nhỉ !

Nguyễn-Bặc nói :

— Ở đời muốn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

Đinh-Điền nói :

— Thường-luồng ở cạn có khác gì run ; sư-tử nhất chuồng có hơn gì chó ; xưa nay anh hùng vị Ngô, mấy ai là chẳng khổ rách áo ôm ; Hán Cao-Tổ chính là một chú đầu phu ; Lưu-tiên-chúa chính là một chàng thợ dép ; Hàn-vương - tôn chính là một tên câu cá ; Ngũ-tử-tư chính là một kẻ ăn xin ; Người ta hơn nhau là cốt ở cái khí phách, cái đức lượng, cái tài năng, chứ không hẳn đã hơn nhau ở cái đóng trống mở cờ, tiền hô hậu hét ; ông Y - doãn vác cày ngoài nội mà sao coi vua Nghiêu, Thuấn như bạn bày vai ? Ông Không-Minh ôm gối trong lều mà sao xem Kinh-Ích như đồ

trong túi? Tôi giùm hết tình thế nước ta, nhân - vật hiện thời, cái khí phách, cái đức-lượng, cái tài năng như bác Bộ-Lĩnh mình đây, tôi dám chấp trăm sứ - quân, mười anh em Ngô-hậu chúa cũng bằng bỏ lọ hết, dẹp loạn yên dân, hưng bang kiến quốc, chẳng ở tay anh em mình thì còn ai. *Sự thành ư quả - quyết*. Bây giờ hai đứa tôi nhất quyết tôn bác Bộ-Lĩnh lên làm mưu chủ, cùng nhau đồng tâm hiệp lực, gây dựng cơ-đồ, cò đã đến tay không còn nghi ngại gì nữa.

Nguyễn-Bặc nói :

— Phả, còn gì nữa mà chẳng quyết.

Bộ-Lĩnh nghiêm sắc mặt khép áo chấp tay đứng giây một cách cẩn trọng mà rằng ?

— Hai bác đã có bụng suy tôn, tôi cũng xin vì cái mục - đích lớn cứu dân giúp nước, vì cái sự - nghiệp chung một đời của cả ba ta, không dám từ chối điều ấy; nhưng việc là việc lớn, quan-hệ đến cả dân cả nước, quan hệ chung thân anh em mình ; Vậy tôi xin mời hai bác cùng về ở chốn quê nhà trong động Hoa-lư trước hết sửa lễ lạy tạ thiên địa thần-minh, ba anh em cùng uống máu ăn thề, kết làm huynh đệ, sau nữa là ba anh em mình đây, ông bà thân hai bác chả may đều đã khuất núi cả rồi, chỉ tôi còn có chút mẹ già, tôi xin đưa hai bác vào yết kiến, tôi bảm mệnh với mẹ tôi cho phải phép. Hai bác nghĩ có nên không ?

Nguyễn-Bặc, Đinh-Điền cũng nói :

— Quan bác nghĩ thế thật là quá phả, lát nữa sự cụ có lên núi chơi, chúng ta sẽ từ biệt người nhân thề, rồi sáng mai đi sớm ngay cho được việc.

(Còn nữa)

TỰ HỌC TIẾNG ẲNG-LÊ

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)
DƯƠNG - TỰ - NGUYÊN

BÀI THỨ 18

Changing money - ĐỔI BẠC
(Tiếp theo số 6)

Could you give me now the amount of that cheque ?	<i>Khut du ghi - vờ mi nao đờ a-mongo v đét chec ?</i>	Ông có thể cho tôi ngay bây giờ cái món tiền về tờ séc kia chẳng ?
How will you take it ?	<i>Hau u-il du thếc it ?</i>	Ông lấy tiền thế nào ?
Bank notes, coins or small change ? I will take it in gold.	<i>Beng nột sì kho an hs o-si-mol chên chờ ? Ay u il thếc it in gól.</i>	Bạc giấy, bạc đồng hay là hào con ? Tôi muốn lấy tiền vàng.
Here is the amount.	<i>Hia iz đờ a-mong.</i>	Tiền của ông đây.
I thank you.	<i>Ay thánh khiu.</i>	Tôi cảm ơn ông.

BÀI THỨ 19

At the hotel — VÀO HÀNG CƠM

Hotel	<i>Hô-thêl</i>	Hàng cơm
Room	<i>Rum</i>	Buồng ngủ
Treat	<i>Thờ-rit</i>	Tiếp đãi
Engage	<i>En-ghế chờ</i>	Thuê, đặt trước
Charge	<i>Ch'a-ch (chat-chờ)</i>	Phí tổn
Stay	<i>S-thê (sì thê)</i>	Ở tạm

Chamber-maid	<i>Chêm-bờ mét</i>	Con nhài
Waiter	<i>Uét thờ</i>	Người hầu
Floor	<i>Flô a (phờ lô)</i>	Gác
People	<i>Pipl pip-pâl)</i>	Người ta
Luggage	<i>Lác ghế-chờ</i>	Hành lý
Lift	<i>Lif th (Lip thờ)</i>	Thang điện
Air	<i>E-à</i>	Không khí
Before	<i>Bi-phô</i>	Trước
Bedroom	<i>Bet-rum</i>	Buồng ngủ
Sitting-room	<i>Sit-thing-rum</i>	Buồng khách
Dining-room	<i>Đanh-ning rum</i>	Buồng ăn
Bath room	<i>Bat-thờ-rum</i>	Buồng tắm
Look after	<i>Luc af-thờ</i>	Trông chừng.
Is there a good hotel here?	<i>Iz t'hê (đê) ê gut hô-thel hia?</i>	Ở đây có hàng cơm tốt không?
This is the Hotel de Paris	<i>Thiz (điz) iz t'hor (đơ) Hô-tel dơ P a ris</i>	Đây là hàng cơm Paris.
Have you been here before?	<i>He-vờ du bin hia bi-pho?</i>	Ông đã ở qua nhà hàng này chưa?
Do they treat people well?	<i>Du t'hê (đê) thờ rit p'i-pol uel?</i>	Họ tiếp đãi người có được tử-tế chẳng?
I have been here twice	<i>Ay he-vờ bin hia thu-ay-si.</i>	Tôi có ở qua đây hai lần.
The rooms are very comfortable.	<i>T'hor (đó) rum s a ve-ri khâm-phot-thê-bol.</i>	Những buồng đều dễ chịu lắm.
The charges are moderate.	<i>T'hor (đó) ch'at-chờ-s a mót-đó-rét.</i>	Giá tiền buồng đều phải chăng.
Let us come in.	<i>Let ơ-s khâm-in.</i>	Đề chúng ta vào xem.
We must engage our rooms.	<i>Uy mớ-st en ghế chờ au-a rum-s.</i>	Chúng ta phải thuê sẵn buồng.

Please look after our luggage	<i>P'li-sờ lúc af-thờ au-a lăc-ghế-chờ.</i>	Nhờ trông chừng những hành lý của chúng tôi.
Take our luggage in.	<i>Thếc au-a lăc-ghế- chờ in.</i>	Đem những hành lý của chúng tôi vào.
Let me see the rooms.	<i>Let mi si t'hor (đor) rum-s</i>	Cho chúng tôi xem những buồng.
What is the char- ge for this room?	<i>Hu-ắt iz t'hor (đor) ch'at-chờ pho t'hi-s (đis) rum?</i>	Cái buồng này bao nhiêu tiền?
Five dollars a day.	<i>Phay-vờ đo la-s ê đê.</i>	Năm đồng bạc một ngày.
That is too dear. I want a cheaper one	<i>T'het (đét) iz thu đia. Ay u-on ê ch'ip p'or oăn.</i>	Giá ấy đắt quá. Tôi muốn cái nào rẻ hơn nữa.
Go up by the lift.	<i>Gô ắp bay t'hor (đor) lif-thờ.</i>	Đi lên bằng thang máy.
Don't put me too high up.	<i>Đon p'ut mi thu hay ắp.</i>	Đừng để tôi ở trên tầng gác cao quá.
The third floor. Do you like this room?	<i>T'hor (đor) t'hôt flô-a. Đu du 'ach th'is (đis) rum?</i>	Tầng thứ ba. Ông có bằng lòng cái buồng này chăng?
I want a double- bedded room.	<i>Ay u on ê đăp bôl bét - đét rum.</i>	Tôi cần cái phòng có hai giường.
I want a bedroom and a sitting- room.	<i>Ay u-on ê bet-rum en ê sit-thing rum</i>	Tôi muốn một cái buồng ngủ và một cái buồng khách.
How long do you want them for?	<i>Hau loong du du u on t'hem (đem) pho?</i>	Ông cần dùng bao lâu.
I shall stay a week.	<i>Ay shal si-thê ê uic.</i>	Tôi sẽ ở một tuần lễ.

They have put us rather too high up.	<i>T'hê (đề) he-v p'ut ơ-s ra-t'hor thu hay ấp</i>	Họ để chúng ta ở trên từng gác hơi cao quá.
Oh ! that matters little. We shall have more air.	<i>Ô ! t'het (đét) me- thơ-s lit - tol. Uy shal he-v mo e-a.</i>	Ô ! chả hề gì. Chúng ta sẽ được thoáng hơn (có nhiều không khí).
I will take this room.	<i>Ay uil thec t'his (dis) rum.</i>	Tôi muốn dùng cái buồng này.
I want another blanket,	<i>Ay u-on en-nơ-thơ bleng-khet.</i>	Tôi cần dùng cái chăn khác.
Give me the key of this room.	<i>Ghi-vơ mi t'hor (đơ) khi ov t'his (dis) rum.</i>	Cho tôi cái chìa khóa buồng này.
Call the waiter.	<i>Khol t'hor (đơ) uet- thờ</i>	Gọi người hầu buồng.
Can I have a warm bath ?	<i>Khen ay he-v ê uom bat-th ?</i>	Có nước nóng cho tôi tắm không ?
Bring me some warm water.	<i>Bring mi sâm uom uot-thơ'.</i>	Đem cho tôi một ít nước nóng.
I should like a cold bath.	<i>Ay shut lach ê khòl bat th.</i>	Tôi muốn tắm nước lạnh.
Where is the w.c. ?	<i>Hu-e iz t'hor' (đơ) đáp-liu-ci ?</i>	Nhà si ở đâu ?
At the end of the corridor.	<i>Et t'hi (đi) en ov t'hor' (đơ) kho ri đo.</i>	Ở cuối hồi lang (đường đi trong nhà).
Has anyone asked for me ?	<i>He-sen-ni oăn as-khờ pho mi ?</i>	Có ai đến hỏi tôi chẳng ?
Are there any letters for me ?	<i>A t'he (đề) en-ni let- t'hor-s pho mi ?</i>	Có thư từ gì cho tôi chẳng ?
Call me at six.	<i>Khol mi et sic s.</i>	Gọi tôi dậy vào hồi 6 giờ sáng.
We leave early to-morrow morning.	<i>Uy li-vơ o' li thu-mơ- rô mo-ning.</i>	Sáng sớm mai chúng tôi sẽ đi. (Còn nữa)

TỰ' HỌC TIẾNG TÀU

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)
TIẾNG QUẢNG - ĐÔNG
DƯƠNG - TỰ - NGUYÊN

BÀI THỨ 21

有病食藥 CÓ BỊNH UỐNG THUỐC

未好番醫生
重要睇至得

乜你重食藥

係呵有病
就要食藥
唔食就點呢

唔食藥就死咯

唔食得咁
快你話好
危係唔係呢

唔係一定
既危就唔
行得路但
係都有險

Mầy hầu phán,
chùng iu ý sáng
thầy chỉ tắc.

Mất, nị chùng sic
được?

Hày a, dậu pèng
chàu iu sic được.
Ăm sic chàu tằm
nị?

Ăm sic được chàu
sỉ (sầy) lố.

Ăm sỉ tắc cầm
phai, nị òa hầu
ngày, hãy ăm hãy
nị?

Ăm hãy dất tềng
kê, ngày chàu ăm
hàng tắc lù, tàn
hày tú dậu hỉm.

Chữa khỏi hẳn, tôi
còn muốn thầy thuốc
xem cho tôi mới
được.

Làm sao! Ông còn
phải uống thuốc ư?
Phải, có bệnh cần
phải uống thuốc.

Không uống thuốc
thì làm sao?

Không uống thuốc
thì chết.

Không chết được
chồng thế, ông muốn
nói là nguy lắm, có
phải không?

Không phải vậy, nếu
nguy thì tôi đã không
đi được, nhưng bệnh
tôi vẫn còn đáng lo.

危險乜嘢
你有受傷啊

傷有乜
傷但係
通身見痛

佢嘅病係好危

有啲病係
好危險嘅
我見一個人
喺街俾貨車
車傷

至好你咪俾
病人傷心

佢唔講得
好大聲
你睇佢
重有氣冇

重有冇
乜危險嘅

Ngày him mắt dề,
nị mậu sấu sường
a.

Sường mậu mắt
sường, tàn hày
thống sấn kin
thung.

Khựi kê pèng hày
hầu ngày.

Dậu ti pèng hày
hầu ngày hiêm kê.
Ngộ kin dất có dân
hày cái pỉ phồ sẽ
sẻ sường.

Chi hầu nị mậu pỉ
pèng dân sường
sấm.

Khựi ăm công tắc
hầu tài sêng.

Nị thầy khựi
chùng dậu hi
mậu ?

Chùng dậu, mậu
mắt ngày him kê.

Chả nguy hiêm gì,
ông không bị thương
mà.

Bị thương thì không
có thương gì, nhưng
mà khắp mình mảy
thấy đau.

Bệnh của nó rất nguy.

Có thứ bệnh rất là
nguy hiêm.

Tôi thấy một người
ở ngoài đường bị cái
xe hàng đè lên bị
thương.

Tốt nhất là ông
không nên để cho
người bệnh buồn bã.

Nó không nói to
tiếng được.

Ông xem nó còn có
hơi thở chăng ?

Hiy, còn, không lo
ngại gì.

BÀI THỨ 22

地址 CHỖ Ở

開門
門屋
封埋
地電
屋主

Hối, sán.
Mùn, ốc.
Phùng, mài.
Tì, tìn.
Ốc chủy.

Mở, đóng.
Cửa, nhà.
Phong, đóng.
Đất, điện.
Chủ nhà.

屋客
地址(地步)
搬屋
電話
電信
左便
右便
個間賣野嘅
有人叫舖頭
有時屋主
屋客搬舖
欠租屋主
會封舖
朝早個間
舖門埋門
呢間舖幾多
號呢
個間舖我
去過一回
你知佢嘅
招牌名唔呢
我記得佢嘅
電話號數
你知佢
搬去邊處
唔知呢

Ốc hạc.
Ti chỉ (ti pù).
Pùn ốc.
Tin u-òa (và).
Tin sân.
Chỗ pìn.
Dậu pìn.
Cô cán mãi dễ ké,
dậu dần kiu phó
thầu.
Dậu si ốc chủy iu
ốc hạc pùn phó.
Him chú, ốc chủy
u-ùi (vui) phùng
phó.
Chiu chầu cô cán
phó sản mãi mún.
Ni cán phó kỉ lố
hầu ní ?
Cô cán phó ngô
hưi quô dất u-ùi
(vui).
Nị chỉ khựi ké
chíu phải mềng
ăm ní ?
Ngô kị tấc khựi
ké tin u-òa (và)
hầu sáu.
Nị chỉ khựi pùn
hưi pìn suy ăm
chí ní ?

Người thuê nhà.
Chỗ ở.
Dọn nhà.
Dây nói.
Dây thép.
Bên tay trái.
Bên tay phải.
Cái gian bán đồ hàng
kia, có người gọi là
cửa hàng.
Có khi chủ nhà bắt
người thuê dọn cửa
hàng đi.
Thiếu tiền nhà thì
chủ nhà có thể niêm
phong cửa hàng.
Buổi sáng sớm cửa
hàng này đóng cả
cửa.
Cửa hàng này số nhà
mấy ?
Tôi đã đi qua cửa
hàng này một lần.
Ông biết tên cửa
hàng của nó không ?
Tôi có nhớ số dây
nói của nó,
Ông biết nó dọn nhà
đi đâu không ?

我知佢搬
去個條街
但唔知第
幾號門牌
入去個條
街轉左第
二間就係咯

我唔記得
真有一封
我寄一封
信去頭
唔到打回頭

唔知佢有招
牌有呢
有招牌寫住
廣信記三個字

你知實佢嘅
地址唔我知
得唔得呢
得我知我
話你聽

Ngô chi khui pún
hui cô talu cái,
tân âm chi tay
kỉ hầu mún phải
Dáp hui cô thiú
cái, chuẩn chỗ pín
tay đi cân châu
hây lố.

Ngô âm ki tắc
chấn, dau dất vùi
ngô ki dất phùng
sân hui, ki âm tau
tả vùi thau?

Âm chi khui dau
chiu phải mau ni?
Dau chiu phải sẽ
chùy « Quảng-sân
k » sám 'cô chi.

Ni chi sất khui
kê ti chỉ, và ngô
chi, tắc âm tắc ni?

Tắc, ngô chi ngô
và ni theng.

Tôi biết nó dọn nhà
đến con đường này,
nhưng không biết số.
nhà mấy

Đi vào con đường
này, sang bên tay
trái gian thứ hai là
đúng rồi.

Tôi không nhớ rõ,
có một lần tôi gửi
một phong thư, gửi
không đến, thư lại
gửi trở về.

Không biết nó có
« biên hàng » không?
Có biên hàng, viết
ba chữ tên hiệu là
« Quảng Tín ký ».

Ông biết đích chỗ ở
của nó, nói cho tôi
biết có được chăng?
Được, nếu tôi biết
tôi sẽ nói cho ông
biết.

(Còn nữa)

Bát cổ ○ 股. Tám vế, lối văn kinh nghĩa có tám vế đối nhau, về phép thi cũ của ta : *Lối văn-chương bát-cổ không có ích về thực-dụng chút nào. Lit. Huit cuisses. Expression désignant un genre littéraire dit « amplification littéraire » comportant huit paragraphes parallèles deux par deux.*

Bát công ○ 槓. Cổ kiệu tám đòn : *Đám rước ở làng kia có cổ kiệu bát công đẹp quá. Chaise, litière à huit brancards, (employée dans les processions).*

Bát diện ○ 面. Tám mặt, là mặt đông, mặt tây, mặt nam, mặt bắc, mặt đông-nam, mặt đông-bắc, mặt tây-nam, mặt tây-bắc. Nói về người xoay-xỏa bợm, hành-động đủ đủ cả mọi mặt : *Cái tài tử phương bát diện. Cũng đã xoay đủ cả tứ phương bát diện rồi. Huit points cardinaux et collatéraux. Fig. Tous les moyens possibles.*

Bát giác ○ 角. Tám góc : *Cái hình bát giác này tính khó quá. Octogone.*

Bát giới ○ 戒. Tám điều răn của phật pháp : 1^e không giết hại sinh-vật. 2^e không lấy trộm lấy cắp của người. 3^e không tà-dâm. 4^e không nói bậy. 5^e không uống rượu. 6^e không ngồi giường cao. 7^e không đeo vàng ngọc. 8^e không chơi múa hát : *Tam qui bát giới cho nàng xuất gia (Kiều). Les huit abstentions dans la religion bouddhique.*

Bát ngôn ○ 言. Một lối thơ mỗi câu tám chữ, thuộc về lối thơ cổ-phong : *Làm một bài thơ bát ngôn. (Vers de) huit pieds (dans les poésies à forme antique).*

Bát phẩm ○ 品. Hàng quan về bậc thứ tám : *Ông Mỗ được thưởng chánh bát phẩm văn-giai. Huitième degré dans la hiérarchie mandarinale.*

Bát phân ○ 分. Một lối viết chữ Hán, hình chữ bẹp bẹp : *Chữ bát phân ông nghệ Dụ viết tốt lắm. Mode d'écriture chinoise à forme aplatie.*

Bát quái ○ 卦. Tám quẻ trong kinh Dịch là : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài : *Ta làm nhà hoặc đóng đồ thờ có vẽ hình bát quái. Les huit signes ou diagrammes.*

Bát sơn đối diện ○ 山對面. Cứ như nhà thuật số xưa nói thì hễ đôi bên trai gái định lấy nhau mà đứng vào hai quẻ đối nhau như Càn với Tốn, Khảm với Ly, Cấn với Khôn, Chấn với

Đoài là bát sơn đối diện, không tốt : *Đôi ấy lấy nhau phạm vào bát sơn đối diện. Se dit de deux diagrammes qui s'opposent l'un à l'autre (terme employé en astrologie chinoise).*

Bát tiên ○ 仙. Tám vị tiên. Tục truyền ông Chung-ly-Quyền, ông Lã-động-tân, ông Hàn-trương, ông Lam-thái-hòa, ông Tào-quốc-cữu, ông Trương-quả, ông Lý-thiết-quải và bà Hà-tiên-cô là bát tiên quá hải. Ta với Tàu thường lấy cái điển ấy làm kiêu vẽ hoặc kiêu trạm, hoặc kiêu thêu : *Cái đĩa cổ vẽ bát tiên quá hải. Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên* (Kiêu). Tên một bài thuốc trong sách thuốc xưa : *Bệnh ấy cho uống bài bát tiên thì phải. Les huit immortels. ||* Nom d'une recette dans la médecine chinoise.

Bát tiết ○ 節. Tám tiết trong một năm là xuân-phân, thu-phân, hạ-chí, đông-chí, lập-xuân, lập-hạ, lập-thu, lập-đông : *Từ thời bát tiết không thiếu lễ nào. Les huit climats dans une année.*

Bát chân ○ 珍. Tám thứ đồ ăn quý của người Tàu là gan rồng, tủy phượng, thai con báo, đuôi cá gáy, chắt thịt cú, môi đười-ươi, bàn tay gấu, nhượng heo non : *Trong bụng buồn đau ăn bát chân cũng không ngon. Les huit mets précieux dans la cuisine chinoise.*

Bát trận ○ 陣. Phép bày trận của ông Khổng-minh bên Tàu : *Tài bày bát trận cũng không đánh nổi được. Tên một bộ sách thuốc Tàu của ông Trương cảnh Nhạc làm ra : Thuốc ông lang ấy làm theo bát trận cả. Système stratégique imaginé par un général chinois, Khổng-minh. ||* Nom d'un livre de médecine chinoise écrit par Trương-cảnh-Nhạc.

Bát 鉢

Bát ○. Cái bát của nhà chùa : *Các Phật-lỗ xưa truyền đạo cho nhau, có trao một cái bát và một cái áo. Bol.*

Bát-nhã 般若

Bát-nhã ○ ○. Tên một kinh Phật. Dịch theo chữ phạn Prajna nghĩa là trí-tuệ : *Thuyền bát nhã dong chèo miền lạc-thở* (nói về người chết đi trầu Phật). Nom d'un livre bouddhique (Prajna en sanscrit).

Bạt 拔

Bạt ○. Nhổ lên, cất lên. Arracher. Elever.

Bạt-bổ ○ 補. Cất lên bổ cho làm chức gì : Ông Mỗ đương tri-phủ được bạt-bổ lên Án-sát. Elever à une fonction.

Bạt tục ○ 俗. Vượt ra ngoài thường tục : Cái ý-tưởng siêu-quần bạt tục. Sortir de l'ordinaire, du commun.

Bạt 跋

Bạt ○. Nhảy qua. Sauter.

Bạt-hổ ○ 扈. Cá lớn nhảy qua đàng. Nòi về người quật-cường ngang-ngạnh : Ngô-tam-Quế có lòng bạt-hổ, không chịu làm tôi nhà Thanh. Lit. Se dit d'un poisson qui saute par dessus une claie de bannage. Fig. Se dit d'un héros qui sort de la foule.

Bạt thiệp ○ 涉. Qua núi lội sông, đi rất là khó nhọc : Mấy năm bạt thiệp khắp xứ Bắc-kỳ. Lit. Escalader les montagnes et traverser à la nage les cours d'eau. Fig. Affronter les périls.

Bắc 北

Bắc ○. Tên một phương hướng đối với nam : Cửa bắc thành Hà-nội. Nord, Septention.

Bắc-bán-cầu ○ 半球. Nửa phần trái đất về đàng bắc : Từ xích-đạo đến bắc-cực là bắc-bán-cầu. Hémisphère du Nord.

Bắc-băng-dương ○ 冰洋. Biển ở miền bắc-cực, vì lạnh quá mà nước đóng váng luôn quanh năm : Một đoàn đi thám hiểm bắc-băng-dương. Océan glacial arctique.

Bắc-bộ ○ 部. Phần đất thuộc về phía bắc : Nước Hoa-kỳ ở về bắc-bộ châu Mỹ. Partie du Nord.

Bắc-cực ○ 極. Đầu trái đất ở về đàng bắc : Ở bắc-cực lạnh quá, không có người ở. Pôle Nord.

Bắc-cực-quyền ○ 極圈. Vòng đất thuộc về bắc-cực : Độ thứ kinh-tuyến, độ thứ vĩ-tuyến trong bắc-cực-quyền. Cercle polaire arctique.

Bắc-dầu ○ 斗. Một đám bảy vì sao ở về phía bắc : Bắc-dầu như gáo múc dầu (tục-ngữ). Grand' Ourse.

Bắc-đầu-bội-tinh ○ 斗佩星. Một thứ mền-day quý nhất của nước Pháp, để thưởng những người có tài đức lớn hoặc lập đáng công nghiệp to với nhà-nước : Ông Mỗ mới được thưởng tam hạng bắc-đầu-bội-tinh. *Ordre de la légion d'honneur.*

Bắc-đầu-bội-tinh có 5 bậc : Đệ nhất hạng : *Grand croix* ; đệ nhị hạng : *Grand officier* ; đệ tam hạng : *Commandeur* ; đệ tứ hạng : *Officier* ; đệ ngũ hạng : *Chevalier*.

Bắc-địa ○ 地. Đất bắc, vùng bắc : *Mấy năm trời phiêu lưu bắc-địa. Région du Nord. Terre du Nord.*

Bắc-đường ○ 堂. Nhà về phía sau, nghĩa bóng là bà mẹ, bởi chữ « huyên thảo thụ bối 萱草樹背 » trong kinh thi nghĩa là cỏ huyên giống ở phía sau nhà. Tục bên Tàu đàn bà thường hay đeo cỏ huyên để mong sinh con trai, nên gọi mẹ là huyên, là bắc-đường : *Bắc-đường gương sáng. Lit. Maison du Nord. Fig. La mère.*

Bắc-hà ○ 河. Tức Bắc-kỳ bây giờ : *Bắc-hà hiểm gì người giỏi. Nom ancien du Tonkin (Lit. Fleuve du Nord).*

Bắc-hóa ○ 貨. Đồ hàng Tàu : *Đồ dùng của ta quá nửa là bắc-hóa. Marchandises chinoises. (Lit. Venues du Nord).*

Bắc-kinh ○ 京. Kinh-dô phía bắc nước Tàu nay đổi là Bắc-bình : *Phong-cảnh Bắc-kinh. Pékin.*

Bắc-kỳ ○ 圻. Một xứ trong ba xứ của nước ta, ở về phía bắc nước. Tonkin.

Bắc-khuyết ○ 闕. Cửa phía bắc, cửa nhà vua : *Trông bắc-khuyết băn-khoăn nhớ chúa. Lit. Porte du Nord. Fig. Porte royale.*

Bắc nhận nam hồng ○ 鴈南鴻. Chim nhận ở phương bắc, chim hồng ở phương nam. Nói bóng là kẻ nam người bắc cách biệt nhau : *Mấy năm xa cách, bắc nhận nam hồng. Lit. L'hirondelle du Nord et l'oie sauvage du Sud. Fig. Se dit de deux personnes séparées l'une de l'autre par une grande distance.*

Bắc-nhân ○ 人. Người phía bắc. Người Tàu : *Gốc là bắc-nhân. Lit. Habitant du Nord. Chinois.*

MỜI XUẤT BẢN

NÔNG-LÂM HÓA-HỌC KỸ NGHỆ

MỘT CUỐN SÁCH DẠY NGHỀ RẤT THIẾT DỤNG
AI AI CŨNG CẦN PHẢI CÓ

Trong có những mục :

Cách làm đường, cách ép dầu (dầu dừa, dầu thầu dầu) cách làm sà-phòng (sà phòng trắng, sà phòng rửa mặt) — cách làm nển. Nghề nhuộm : cách dệt và đánh trắng vải bông — cách nhuộm tơ — cách dệt vải bông — cách dệt tơ nhân tạo. Thuốc nhuộm (tính chất các phẩm nhuộm, thuốc cầm màu). Cách nhuộm vào vải bông, tơ, len. Nhuộm thâm — Nhuộm vải tây đỏ — Hồ vải — Những điều phải biết trước khi tẩy vết bẩn ; cách đánh các vết bẩn dây vào những hàng nhuộm mùi v. v.

Sách dày non 90 trang — Giá bán thực rẻ : 0\$20

Mua một quyền gửi bằng timbres postes cũng được

CHO : ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN 193, PHỐ HÀNG BÔNG — HANOI

thêm tiền cước thường 0\$06

Một quyển sách nhà nào cũng cần phải có. ấy là cuốn :

NAM NỮ TU TRI

男
女
須
知

Trong có những mục như :

TỔNG LUẬN VỀ NAM NỮ ÁI TÌNH VÀ Ý NGHĨA SỰ GIAO HỢP — CÁCH ĐỀ PHÒNG KHI XUÂN TÌNH PHÁT ĐỘNG. Kinh nguyệt. NHỮNG ĐIỀU CON TRAI NÊN CHÚ Ý ĐÊM HÔN MỚI CƯỚI, TRẠNG HUỐNG KHI THỤ THAI. Nguyên nhân thành thai, kết thành nam thai hay nữ thai. Những nguyên nhân có con và cách chữa cho có con Hôn nhân vệ sinh. những điều đàn bà sắp đẻ nên biết v. v.

Sách dày gần 100 trang giá 0\$25

Ở xa gửi thêm cước đảm bảo 0\$13, cước thường 0\$03.

Có thể gửi bằng timbres postes cũng được, cứ đề Đông - Tây Ấn - quán, 193, phố hàng Bông — HANOI

MỚI XUẤT BẢN

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

Một quyển sách rất có ích cho các nhà buôn bán, các nhà kỹ - nghệ, các nhà kế - toán, các tư - gia và các học-trò
CỦA DƯƠNG TỰ NGUYỄN SOẠN

Trong có những mục :

1.) Đại ý về nghề nhà băng. — 2. Phân biệt các nhà băng. — 3. Cách tổ chức của các nhà băng ngày nay. — 4. Nhận tiền của người khác gửi. — 5. Cách dùng séc. — 6. Cho vay. — 7. Giấy giao kèo đổi bạc. — 8. Trả tiền hộ cho người khác ở nơi xa. — 9. Giấy tín nhậm để lĩnh tiền du lịch. — 10. Giấy tín-nhậm để lĩnh tiền hàng. — 11. Mua các thương-phiếu — 12. Phát hành giấy bạc. — 13. Đổi bạc các nước. — 14. Nhận mua và bán các trái phiếu và cổ-phần. — 15. Nhận gửi các đồ quý trọng và cho thuê tủ sắt. — 16. Hỏi hộ các tin tức. — 17. Cách tính lãi — 18. Cách khấu lãi các thương phiếu. — 19. Cách lập sổ lưu trữ hằng ngày. — 20. Biểu liệt kê những tiền các nước và biểu tính lãi.

SÁCH DÀY 262 TRANG, ĐÓNG BÌA VẢI THẬT ĐẸP.

GIÁ \$ 1.50 — CƯỚC GỬI \$ 0.25

Bán tại Đông Tây Ấn Quán, 193 PHỐ HÀNG BÔNG, HÀ NỘI
Nam Tân 84, BOULEVARD BONNAL, HAIPHONG

hotel

TAM-KY

KHÁCH LẦU

Nº 7 À 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 À 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 À 171 & 178 À 182 RUE

BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ MÁT MẺ VÀ SẠCH SẼ



CHỦ NHƠN : Huỳnh-huệ Ký

MỚI XUẤT BẢN

Eurydice

của

NHUYỄN-TIẾN-LÃNG

soạn

đã được giải thưởng
của Tạp chí Indochine
ở SAIGON

Cuốn này nhà in Đông
Tây mới xuất bản, in
một bên chữ Tây, một
bên Quốc Ngữ nhan là

Tình xưa

do tác-giả tự diễn nôm

Sách dày 72 trang, giá
0\$25. Cước recomin. 0 13
Cước thường 0.03. — Gửi
bằng timbres postes cũng
được cho : Đông - tây
ấn quán. 193, phố
hàng Bông — HANOI